

Số: 05 /BC-SYT

Trà Vinh, ngày 04 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NGÀNH Y TẾ NĂM 2017 VÀ
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

Thực hiện Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2017. Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hợp tác của các ban ngành đoàn thể và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên ngành Y tế đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 và đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, cụ thể gồm những nội dung sau:

PHẦN A

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NGÀNH Y TẾ NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

1. Các chỉ số đánh giá năng lực cung ứng của hệ thống y tế

- Số bác sỹ trên 1 vạn dân: 7,03 bác sỹ.
- Số bác sỹ các chuyên khoa: 288 bác sỹ.
- Số dược sỹ đại học trên 1 vạn dân: 1,22 dược sỹ.
- Tỷ lệ điều dưỡng/bác sỹ: 1,08 (796/735).
- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ làm việc: 80,73 % (88/109).
- Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi: 98,16 % (107/109).
- Số xã/tổng số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã: Theo số liệu năm 2015, số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã là 93/106 xã, đạt tỷ lệ 87,73% (theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh công nhận 93 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2015, có thời hạn 03 năm), ước thực hiện năm 2017 sẽ là 94/106 xã (đạt tỷ lệ 89,6%).
- Số giường bệnh trên 1 vạn dân (chỉ tính giường các bệnh viện, không tính giường PKĐKKV và TYT xã): **20,18** giường (với dân số ước khoảng 1.045.856 người – số liệu Cục Thống kê); Trong đó: Bệnh viện công lập: 19,88 giường, Bệnh viện tư nhân (giường đăng ký): 0,3 giường.
- Tỷ lệ thôn bản (khóm, ấp) có nhân viên y tế hoạt động: 97,91% (799/816).

2. Các chỉ tiêu hoạt động:

- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ: 99,36 %.
- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi: 1,32 ‰.
- Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi: 1,54 ‰.
- Tỷ suất tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống: 14,65 %.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi): 6,76 % (số liệu tính quản lý).
- Tỷ lệ phụ nữ được khám thai tại cơ sở y tế trong thai kỳ: 99,96 %.
- Tỷ lệ bà mẹ sinh tại cơ sở y tế: 99,99 %.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: chỉ tiêu của tỉnh: 91,78%; thực hiện: 95,45% (tính đến ngày 30/11/2017).

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC HỆ THỐNG Y TẾ VÀ NHÂN LỰC, ĐÀO TẠO CÁN BỘ

1. Tổ chức hệ thống y tế

Trong năm 2017, hệ thống y tế toàn tỉnh cụ thể như sau:

- *Tuyến tỉnh*: Sở Y tế có 07 phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc gồm: 01 Bệnh viện Đa khoa tỉnh; 03 Bệnh viện chuyên khoa (BV Sản-Nhi, BV Y Dược cổ truyền, BV Lao và Bệnh Phổi); Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (TT.Y tế dự phòng đã đổi tên); Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Trung tâm Kiểm nghiệm; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Pháp y; Chi cục ATVSTP; Chi cục Dân số - KHHGD.

- *Tuyến huyện, thị xã, thành phố*: 02 Bệnh viện ĐKKV (Cầu Ngang và Tiểu Càn); 09 Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và Trung tâm Dân số - KHHGD 09 huyện, thị xã, thành phố (trực thuộc Chi cục Dân số - KHHGD).

- *Tuyến xã, phường, thị trấn*: có 106 Trạm Y tế, 03 Phòng khám Đa khoa khu vực.

2. Nhân lực và đào tạo cán bộ

- Tổng số nhân lực ngành Y tế: 3.129 người (trong đó: công chức 61 người, viên chức 3.068 người)

Trong đó, phân theo chuyên môn: Bác sĩ (735 người); Y sĩ (554 người); Điều dưỡng (796 người); Dược sĩ (414 người); Nữ hộ sinh (237 người); Kỹ thuật viên (149 người); Cán bộ khác (244 người).

- Bổ nhiệm mới: 31 người; Bổ nhiệm lại: 39 người; Luân chuyển: 04 người; miễn nhiệm: 02 người.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ: 04 người.

- Sở Y tế phối hợp với Sở Nội vụ thành lập hội đồng tổ chức thi tuyển chọn chức danh: Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi, Giám đốc Trung tâm Y tế TP. Trà Vinh, Phó Chánh Văn Phòng Sở Y tế, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế.

- Xét tuyển 49 bác sĩ, 02 dược sĩ đại học; Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III: 195 viên chức (trong đó: bác sĩ đa khoa 58 người, bác sĩ y học cổ truyền 20 người, Cử nhân điều dưỡng 24 người, cử nhân hộ sinh 29 người, cử nhân kỹ thuật viên 20 người, dược sĩ đại học 44 người).

- Đào tạo sau đại học: 62 người (trong đó: CKI: 57 (22 CKI YH gia đình); CKII: 03; Ths: 02), Liên thông đại học: 10 người đào tạo theo địa chỉ sử dụng.

- Đào tạo ngắn hạn các lớp như: Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức liên tục cho cán bộ ngành y tế tỉnh Trà Vinh: Cấp cứu cơ bản, Quản lý chất lượng bệnh viện, an toàn người bệnh, chăm sóc người bệnh toàn diện (663 lượt người tham gia); Bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên: 170 người; Bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên chính: 12 người và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác khác.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN NGÀNH Y TẾ

1. Công tác khám, chữa bệnh

a) Phát triển cơ sở, giường bệnh

- Toàn tỉnh có 135 cơ sở khám, chữa bệnh công lập, gồm:

+ *Tuyến tỉnh có 08 cơ sở* gồm: Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Y Dược cổ truyền, Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi, Bệnh viện Sản – Nhi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (TT.Y tế dự phòng đã đổi tên), Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ.

+ *Tuyến huyện, thị xã, thành phố có 14 cơ sở* gồm: 02 Bệnh viện ĐKKV (Tiểu Cần và Cầu Ngang), 01 Bệnh viện Quân Dân y, 01 Bệnh xá Công an, 01 Phòng khám Trường Đại học Trà Vinh, 09 Trung tâm Y tế huyện/thị xã/thành phố (trong đó có 05 TTYT huyện Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè, Trà Cú, thị xã Duyên Hải thực hiện 02 chức năng khám chữa bệnh và dự phòng).

+ *Tuyến xã, phường, thị trấn có 113 cơ sở* gồm: 106 Trạm Y tế, 03 PK ĐKKV (Hoà Minh, Hùng Hoà, Long Đức), 04 Trạm xá Quân Dân y kết hợp.

- Tổng số giường các Bệnh viện trong tỉnh là 2.111 giường (trong đó tuyến tỉnh là 1.000 giường, tuyến huyện là 1.080 giường và bệnh viện tư nhân là 31 giường), đạt tỷ lệ 20,18 giường bệnh/10.000 dân (không tính giường PKĐKKV và Trạm Y tế xã).

b) Hoạt động khám, chữa bệnh

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	2.114.000	2.289.117	108,3
2	Số bệnh nhân điều trị nội trú	Người	128.000	171.860	134,3
3	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	Người	10.170	13.192	129,7

2. Công tác dự phòng, kiểm soát bệnh tật

2.1 Tình hình dịch bệnh, các bệnh truyền nhiễm gây dịch và các hoạt động phòng chống dịch bệnh (tính từ ngày 01/01/2017 đến 30/11/2017)

a) Tình hình dịch bệnh Trong năm 2017, trên địa bàn tỉnh không có vụ dịch bệnh lớn nào xảy ra, chỉ xảy ra rải rác các ổ dịch: Tay chân miệng 34 ổ, đã xử lý 34 ổ và Sốt xuất huyết 177 ổ, đã xử lý 177 ổ.

b) Các bệnh truyền nhiễm gây dịch (chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 1 đính kèm)

- **Bệnh Cúm A (H5N1, H7N9), bệnh do vi rút Zika:** không phát hiện trường hợp bệnh có liên quan cúm A (H5N1, H7N9) và bệnh do vi rút Zika.

- **Bệnh Tay chân miệng:** phát hiện 2.429 ca, tăng 2.001 ca (tăng 467,5%) so với năm 2016 (428 ca); không có tử vong.

- **Bệnh Sốt xuất huyết Dengue:** phát hiện 1.500 ca, tăng 318 ca (tăng 26,9%) so với năm 2016 (1.182 ca); có 03 ca tử vong, bằng so với cùng kỳ năm 2016 (03 ca).

- **Bệnh Quai bị:** phát hiện 152 ca, tăng 79 ca so với cùng kỳ năm 2016 (73 ca), không có tử vong.

- **Bệnh do Liên cầu lợn:** phát hiện 05 ca, tăng 05 ca so với cùng kỳ năm 2016 (00 ca); Số huyện có ca mắc là: Trà Cú (2 ca), Cầu Ngang (1 ca), Châu Thành (1 ca), Càng Long (1 ca); không có tử vong.

- **Bệnh Đại:** phát hiện 01 ca, tăng 01 ca so với cùng kỳ năm 2016 (00 ca); có 01 ca tử vong (huyện Trà Cú).

- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** trong khả năng kiểm soát, không xuất hiện ổ dịch.

c) Các hoạt động phòng, chống dịch bệnh

- Tổ chức hội nghị tổng kết công tác phòng, chống dịch bệnh năm 2016 và triển khai kế hoạch năm 2017 do Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh ở người tỉnh Trà Vinh tổ chức với sự chủ trì của Phó chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo (có 60 người tham dự); Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết khẩn cấp với sự chủ trì của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh (có 62 người tham dự).

- Kết hợp với Viện Pasteur TP.HCM kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh tại huyện Càng Long; giám sát vật chủ và véc tơ bệnh Dịch hạch theo quý tại thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang.

- Giám sát công tác phòng, chống dịch tại các địa phương và giám sát báo cáo bệnh truyền nhiễm bằng phần mềm trực tuyến theo Thông tư 54/2015/TT-BYT; Giám sát chỉ số lăng quăng hàng tuần tại các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh.

- Tổ chức lấy mẫu bệnh nhân sốt phát ban nghi Sởi, Rubella gửi tuyền trên phân lập vi rút.

- Cấp phát 680kg Cloramin B và 6.868 viên xà phòng cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh triển khai phòng, chống bệnh Tay chân miệng; Cấp phát 522

quyển sổ tay hỏi – đáp về bệnh Đại và 97 quyển tài liệu Hướng dẫn diễn tập phòng, chống đại dịch cúm ở người cho Trung tâm Y tế các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm: bệnh do vi rút Zika, bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng,...

2.2. Hoạt động Tiêm chủng mở rộng

Tổ chức cấp vắc xin, vật tư tiêm chủng định kỳ 02 tháng cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh; Mua và cấp 14 tủ lạnh bảo quản vắc xin trang bị cho tuyến huyện, xã; Sửa chữa, thay thế các thiết bị trong dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin cho một số huyện trong tỉnh; Tổ chức giám sát các hoạt động bảo quản vắc xin, dây chuyền lạnh, việc thực hành an toàn tiêm chủng thường xuyên tại Trung tâm Y tế huyện, bệnh viện huyện, các Trạm Y tế xã (tổng cộng 42 lượt); Tổ chức tập huấn thực hành an toàn tiêm chủng, quản lý vắc xin, dây chuyền lạnh, tổ chức buổi tiêm chủng cho cán bộ làm công tác tiêm chủng tuyến tỉnh, huyện, xã (với 309 người tham dự).

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 2 đính kèm*).

2.3. Hoạt động Phòng, chống Sốt xuất huyết

- Giám sát côn trùng thường xuyên tại xã Hòa Minh, huyện Châu Thành và thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần; Giám sát chỉ số lăng quăng hàng tuần phòng, chống Sốt xuất huyết tại các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh; Giám sát xử lý ổ dịch Sốt xuất huyết (tại ấp Thanh Trì B, xã Đa Lộc và ấp Đa Cần, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành và khóm 6, phường 8; khóm 4, phường 1 và khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh); Giám sát phun hóa chất diệt rộng chủ động (tại xã Lương Hòa, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành; xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú; xã Đức Mỹ, huyện Càng Long); Giám sát hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết tại huyện Trà Cú; Giám sát hoạt động thông kê báo cáo Sốt xuất huyết huyện Càng Long.

- Điều tra ca tử vong do Sốt xuất huyết tại ấp Đại Đức, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long; ấp Giồng Chanh A, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú và ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; Điều tra ổ bọ gậy nguồn (2 đợt) phòng, chống Sốt xuất huyết tại xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải và xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè.

- Triển khai chiến dịch diệt lăng quăng trên địa bàn 97 xã/phường/thị trấn và phun hóa chất diệt rộng chủ động trên phạm vi 13 xã/phường/thị trấn; Phun hóa chất chủ động diệt rộng bằng máy lớn (tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành; xã Đại An, huyện Trà Cú; thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần); Phun hóa chất dập dịch diệt rộng phòng, chống Sốt xuất huyết (tại ấp Đầu Giồng, xã Phương Thạnh và ấp Đại Đức, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long; xã Đôn Xuân và Đôn Châu, huyện Duyên Hải; ấp An Hoà, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè; ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh).

- Kiểm tra hoạt động giám sát côn trùng Sốt xuất huyết thường xuyên tại thành phố Trà Vinh.

- Cấp phát 200 quyển sổ quản lý và 100 biểu đồ tháng Sốt xuất huyết cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh; Cấp phát tờ rơi, áp phích, hóa chất phòng, chống Sốt xuất huyết cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh, bao gồm: 105.000 tờ rơi, 20.000 tờ văng gia, 410 lít hoá chất; Cấp phát 90 cây đèn pin, 09 máy hút muỗi và 07 máy phun cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh; Cấp 9.000 con cá bảy màu cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh.

- Tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, giám sát phòng, chống Sốt xuất huyết và các dịch bệnh khác trên người tại các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh; Tổ chức tập huấn giám sát, xử lý dịch Sốt xuất huyết cho tuyến huyện, tổng số 24 học viên.

- Phối hợp Tập đoàn Viễn thông Viettel nhắn tin tuyên truyền phòng, chống Sốt xuất huyết khi xảy ra ca bệnh, tổng số 102.859 tin nhắn/ 285 áp, khóm.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 3, 4 đính kèm*).

2.4. Hoạt động Phòng, chống Sốt rét

- Đào tạo chẩn đoán, điều trị Sốt rét cho cán bộ y tế khối điều trị (bệnh viện), tổng số 16 học viên; Đào tạo xét nghiệm tìm ký sinh trùng Sốt rét cho cán bộ điểm kính hiển vi và cán bộ xét nghiệm khối điều trị (bệnh viện), tổng số 40 học viên; Đào tạo chẩn đoán, điều trị; thống kê báo cáo cho cán bộ phụ trách Sốt rét tuyến huyện, xã, tổng số 112 học viên.

- Giám sát dịch tễ Sốt rét tại các xã trên địa bàn tỉnh, có 4.058 lam máu được lấy và xét nghiệm, không phát hiện trường hợp dương tính; Giám sát dịch tễ tại các xã, phường, thị trấn, tổng cộng 11 lượt; Duy trì hoạt động tại 41 cụm kính hiển vi.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 5 đính kèm*).

2.5. Hoạt động phòng, chống Phong, Da liễu, Hoa liễu

- Khám phát hiện bệnh Phong, STI và bệnh ngoài da (phát hiện 01 bệnh nhân Phong); Tổ chức mổ lỗ đáo cho bệnh nhân Phong; Chăm sóc phục hồi tàn tật cho tất cả bệnh nhân Phong; Chuyển bệnh nhân phục hồi chức năng tại BVDL TP.HCM.

- Tổ chức quản lý, điều trị cho bệnh nhân Phong tại tuyến cơ sở; Tổ chức giám sát, củng cố hồ sơ sổ sách tuyến cơ sở hàng quý; Tổ chức truyền thông giáo dục kiến thức về bệnh Phong trong cộng đồng.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 6, 7, 8 đính kèm*).

2.6. Hoạt động Phòng, chống bệnh Tăng huyết áp, Đái tháo đường

- Đào tạo 04 lớp kỹ năng chẩn đoán, điều trị và quản lý sau khám sàng lọc bệnh Tăng huyết áp cho trường/phó và cán bộ chuyên trách Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, tổng số 179 học viên tham dự; Đào tạo 01 lớp kỹ năng khám sàng lọc bệnh Đái tháo đường cho cán bộ và cộng tác viên Trạm Y tế xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, tổng số 12 học viên tham dự.

- Tổ chức khám sàng lọc bệnh Đái tháo đường tại Trạm Y tế xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần, có 250 người được khám; Tổ chức giám sát việc quản lý, tư vấn

bệnh nhân Tăng huyết áp sau khám sàng lọc tại 13 xã được triển khai khám sàng lọc qua các năm là: 1.033 người.

- Phân phối 4.000 que thử đường huyết, kim lấy máu cho các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh.

- Hưởng ứng treo băng rôn tuyên truyền Ngày Thế giới phòng, chống bệnh Đái tháo đường 14/11.

2.7. Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

- Tổ chức 02 đợt Chiến dịch uống Vitamin A cho trẻ từ 06 đến 36 tháng tuổi và bà mẹ sau sinh; Tổ chức triển khai Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 9 đính kèm*).

2.8. Hoạt động Phòng, chống rối loạn do thiếu hụt I-ốt

- Giám sát việc sản xuất và lấy 192 mẫu kiểm tra chất lượng tại Công ty muối Càng Long; Giám sát muối thường quy hộ gia đình 2 đợt năm 2017 tại các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh, có 540 hộ được giám sát.

- Tổ chức đào tạo 01 lớp giám sát muối thường quy cho cán bộ chuyên trách các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh và 36 xã, phường, thị trấn được chọn, có 43 học viên tham dự.

- Hưởng ứng ngày toàn dân mua và sử dụng muối I ốt 02/11; Khám và điều trị cho bệnh nhân: 359 người.

- Tổ chức nói chuyện cộng đồng tuyên truyền phòng, chống các rối loạn thiếu hụt I-ốt tại 08 điểm trường tiểu học trong tỉnh (có 8.000 học sinh tham dự).

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 10 đính kèm*).

2.9. Hoạt động Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Tổ chức hội nghị triển khai hoạt động Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, có 22 đại biểu tham dự; Tổ chức đào tạo 04 lớp kỹ năng chẩn đoán, điều trị và quản lý chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho cán bộ chuyên trách huyện, thị xã, thành phố và trưởng/phó Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, tổng số 221 học viên tham dự; Tổ chức giám sát việc thực hiện Tháng hành động vì người cao tuổi tại xã Phước Hảo, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành và xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè.

- Phân phối sổ khám bệnh, sổ lưu bệnh, phiếu xét nghiệm, que thử đường huyết, kim lấy máu và thuốc cho Trung tâm Y tế các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh.

- Đào tạo 09 lớp Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho Chi hội trưởng người cao tuổi tại các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh, tổng cộng có 828 người dự.

- Giám sát hoạt động chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi tại các huyện/thị xã/thành phố, đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 81.525 người (đạt 99,4%).

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 11 đính kèm*).

2.10. Hoạt động Sức khỏe môi trường và Y tế trường học

a) Hoạt động Sức khỏe môi trường

- Tổ chức lấy mẫu xét nghiệm mẫu nội kiểm và ngoại kiểm tại các cơ sở cung cấp nước tập trung, tổng số 312 mẫu.

- Chi đạo, hướng dẫn và giám sát Trung tâm Y tế các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tổ chức hội nghị triển khai Thông tư 50/2015/TT-BYT, ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt cho cán bộ Trung tâm Y tế, Trạm Y tế và cơ sở cung cấp nước, tổng số 125 đại biểu tham dự.

- Phối hợp với Phòng Y tế hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế, tổng số 14 cơ sở.

- Triển khai các hoạt động vệ sinh yêu nước: lắp đặt 04 Pano tuyên truyền tại các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Ngang, cấp phát 40 băng roll tuyên truyền cho Trung tâm Y tế các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh, xây dựng thông điệp truyền thông phát trên đài phát thanh truyền hình tỉnh.

- Công tác quản lý và xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 lò đốt chất thải y tế được bố trí tại các bệnh viện và Trung tâm Y tế (Trung tâm Y tế 02 chức năng) để xử lý chất thải rắn y tế phát sinh tại chỗ. Tuy nhiên, hệ thống lò đốt của các đơn vị đầu tư đã lâu đến nay đã lạc hậu, tốn nhiều chi phí vận hành cho việc xử lý chất thải, gây khó khăn cho ngân sách hoạt động của các bệnh viện. Ở tuyến xã, một số Trạm Y tế và Phòng khám đa khoa khu vực, xử lý chất thải rắn y tế trong lò đốt thủ công, một số còn lại đốt và chôn lấp tại Trạm. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh chưa có đơn vị đủ chức năng tham gia thu gom, xử lý chất thải rắn y tế nên các cơ sở y tế không có trang bị lò đốt hợp đồng với đơn vị ngoài tỉnh thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế.

Đối với hiện trạng quản lý nước thải y tế: Hầu hết các Bệnh viện, Trung tâm Y tế trên địa bàn tỉnh được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế bằng các công nghệ tiên tiến như: công nghệ AAO, công nghệ AAO kết hợp MRB, ... với công suất từ 50 m³/ngày. đêm trở lên 400 m³/ngày.đêm. Hiện nay, các hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động bình thường, kết quả quan trắc đầu ra cơ bản đảm bảo theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Hiện nay, ngành Y tế có 04 bệnh viện thụ hưởng được đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế từ nguồn vốn tài trợ của Ngân hàng Thế giới là 59 tỷ đồng (Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện), Dự án đầu tư 03 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế cho xử lý cụm bệnh viện tại Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần và 02 hệ thống xử lý nước thải y tế cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang. Ngoài ra, Dự án còn hỗ trợ cung cấp vật tư, hậu cần nội bộ và 03 xe vận chuyển chất thải y tế cho Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần, dự kiến các hệ thống trên sẽ hoàn thành và đưa hoạt động vào quý 1/2018.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 12 đính kèm*).

b) Hoạt động Y tế trường học

- Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, ngày 12/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học, tổng số 55 đại biểu tham dự.

- Hướng dẫn, hỗ trợ công tác giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn và ban hành văn bản chỉ đạo các Trung tâm Y tế huyện phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tổ chức khám chuyên khoa, phát hiện, chẩn đoán, điều trị các bệnh tật cho học sinh.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục huyện Duyên Hải và Tiểu Cần tổ chức hội thi Tìm hiểu bệnh tật học đường tại Trường Tiểu học Đôn Xuân C và Hiếu Trung B, có hơn 700 học sinh tham gia.

- Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục tại 20 trường.

- Tổ chức đào tạo tập huấn 05 lớp chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn, có 250 học viên tham dự.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 13 đính kèm*).

2.11. Hoạt động Phòng, chống bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động

Tổ chức, quản lý công tác khám sức khỏe định kỳ; quản lý sức khỏe người lao động theo phân cấp quản lý; Tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho công nhân ở các cơ sở sản xuất có yếu tố tác hại nghề nghiệp; Tổ chức giám sát, quan trắc môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn, ngăn ngừa các bệnh nghề nghiệp liên quan; Tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho tuyến dưới: cơ sở sản xuất, cơ sở y tế; Tổ chức, phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe người lao động tại các cơ sở sản xuất; Tham gia, hỗ trợ các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra vệ sinh lao động.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 14 đính kèm*).

2.12. Hoạt động Xét nghiệm (chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 15 đính kèm)

2.13. Hoạt động Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng

Tổ chức khám tư vấn và chỉ định tiêm phòng các vaccin dịch vụ theo yêu cầu; Tổ chức khám tư vấn xét nghiệm cho bệnh nhân; Tư vấn, truyền thông nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, tiêm chủng phòng bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng; Tư vấn và điều trị dự phòng các bệnh truyền nhiễm, bệnh liên quan rối loạn chuyển hóa, bệnh không lây nhiễm (bệnh Bướu cổ, bệnh Basedow, Đái tháo đường, Tăng huyết áp,...và các bệnh không lây nhiễm khác).

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 16 đính kèm*).

3. Công tác phòng chống Lao

- Tập huấn tuyến huyện, thành phố, tuyến xã, phường, thị trấn: 01 Lớp nâng cao nghiệp vụ kỹ thuật xét nghiệm tuyến huyện, thành phố (gồm 12 học viên); 01 Lớp nâng cao nghiệp vụ Y vụ và Dược tuyến huyện, thành phố (gồm 20 học viên); 02 Lớp nâng cao nghiệp vụ Y vụ và Dược tuyến xã, phường, thị trấn (gồm 106 học viên); 01 lớp Tập huấn cho cán bộ tuyến huyện về hệ thống Vitimes (gồm 10 học viên); 01 lớp tập huấn xét nghiệm Lao cho cán bộ xét nghiệm y tế công – tư (gồm 27 học viên).

- Tổ chức các hoạt động giám sát thường kỳ hoạt động của chương trình chống lao, lao/HIV, lao kháng thuốc, xét nghiệm và các hoạt động khác tại mỗi tuyến huyện, thị xã, thành phố và các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, Trại giam Bến Giá (30 lượt) và cùng lúc giám sát tuyến xã, phường, thị trấn (30 lượt).

- Tổ chức 02 lượt giao ban Ban điều phối Lao/HIV tuyến tỉnh; tham dự giao ban Ban điều phối Lao/HIV tuyến huyện, thành phố (16 lượt).

- Duy trì hoạt động 03 phòng PITC (Bệnh viện Lao và bệnh phổi, TTYT huyện Trà Cú, TTYT TP Trà Vinh).

- Sàng lọc lao cho 1.345 phạm nhân tại Trại giam Bến Giá (phát hiện 9 ca mắc lao, trong đó có 01 ca lao kháng thuốc).

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh làm phóng sự Phòng chống lao tại Trà Vinh nhân ngày thế giới phòng chống lao 24/03.

4. Công tác DS-KHHGD và Công tác Chăm sóc sức khỏe sinh sản

4.1 Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD)

a/ Truyền thông chuyển đổi hành vi

- Công tác truyền thông là công tác chủ yếu trong việc nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi. Hoạt động truyền thông ở tuyến tỉnh, huyện, xã tiếp tục được duy trì và tăng cường tuyên truyền tư vấn trực tiếp tại cộng đồng và trên phương tiện thông tin đại chúng với nhiều nội dung, hình thức phong phú và đa dạng, phù hợp với đặc thù của từng nhóm đối tượng, từng vùng khác nhau. Các thông tin về DS-KHHGD được đăng tải thường xuyên trên Báo Trà Vinh, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Đài phát thanh các huyện, thành phố và truyền thanh xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Truyền thông lồng ghép tuyên truyền về Dân số - KHHGD với các ban, ngành, đoàn thể tỉnh: Liên đoàn Lao động, Tỉnh đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Báo Trà Vinh, Trường Chính trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, kết quả hoạt động phối hợp như sau:

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: tuyên truyền nội dung về DS – KHHGD vào các Câu lạc bộ, đoàn thể, Câu lạc bộ “Gia đình trẻ”; tổ chức được 4.745 cuộc có 134.000 lượt thành viên tham dự.

+ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: Tổ chức tuyên truyền 9.363 cuộc, có 232.843 hội viên tham dự.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổ chức sinh hoạt ngoại khóa tại 04 điểm trường Trung học phổ thông nói chuyện chuyên đề về sức khỏe sinh sản vị thành niên cho 42 lớp, có 1.512 học sinh tham dự.

+ Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Trà Vinh: Phát sóng 01 phóng sự, thời lượng 15 phút, 05 bản tin về Dân số - KHHGD; Viết 05 tin, bài về Dân số - KHHGD.

+ Liên đoàn lao động tỉnh: Tổ chức tuyên truyền nói chuyện chuyên đề tại các Khu công nghiệp 11 cuộc, có 1.300 lượt người dự.

+ Ngoài ra tại các địa phương tổ chức sinh hoạt nhóm được 2.356 cuộc, có 44.057 người tham dự; Tuyên truyền trực tiếp tại hộ gia đình được 15.147 hộ gia đình, có 15.835 người tham dự; Phát thanh tại xã, phường, thị trấn được 3.629 lần, có khoảng 999.335 lượt người nghe.

- In băng rol tuyên truyền hưởng ứng Ngày Dân số Thế giới, Tháng hành động Quốc gia về Dân số, tổng cộng 132 băng rol treo trên các trục lộ chính, phủ khắp các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

- Cung cấp các loại sản phẩm truyền thông như tờ rơi, tờ bướm các loại như: chăm sóc sức khỏe sinh sản/KHHGD, sức khỏe vị thành niên, sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh, v.v... được 61.700 tờ các loại.

- Tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình tại 29 xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn năm 2017 góp phần đáng kể vào thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

b/ Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD

- Triển khai “Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD đến vùng có mức sinh cao, vùng khó khăn năm 2017” tại 29 xã, phường, thị trấn.

- Ký kết hợp đồng trách nhiệm với Bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện và Trung tâm Y tế huyện, thành phố về dịch vụ KHHGD; cung cấp thuốc thiết yếu, chi phí kỹ thuật và quản lý.

- Tổ chức chi trả kịp thời đầy đủ các chế độ, chính sách cho đối tượng thực hiện KHHGD.

- Nhận và cấp miễn phí phương tiện tránh thai: (Thuốc viên Ideal: cấp 40.400 vỉ; Bao cao su: cấp 70.000 cái; Vòng Tcu 380: cấp 2.000 chiếc; Thuốc tiêm: cấp 1.100 lọ; Thuốc Naphalevo: cấp 4.000 vỉ.

- Kết quả thực hiện kế hoạch hoá gia đình (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 17.1 đính kèm*): đạt 100,35 % so với hoạch. Các biện pháp tránh thai mang tính bền vững như Triệt sản đạt tương đối cao hơn năm trước 5%; dụng cụ tử cung đạt là 12,86%; thuốc cấy trong năm 2017 không được trung ương cấp, đa số người dân tự thực hiện ở bên ngoài nên chỉ tiêu tương đối thấp chỉ đạt 7,89%. Sự chọn lựa sử dụng các biện pháp tránh thai của người dân có xu hướng ngày càng thích sử dụng biện pháp để sử

dụng như thuốc viên, bao cao su đạt tỷ lệ rất cao. Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi 15-49 áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại là 62,02%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên trong năm 2017 là: 2,68%, giảm so với năm 2016 là 6,45%.

c/ Nâng cao chất lượng dân số

* *Sàng lọc trước sinh, sơ sinh*: Nhận 1.102 mẫu giấy thăm lấy máu gót chân của Trung tâm sàng lọc TP. Cần Thơ và cấp cho các Bệnh viện huyện, thị xã.

* *Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh*: Năm 2017 hoạt động giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh đã tổ chức triển khai 106/106 xã, phường, thị trấn; Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm làm cho công chúng hiểu và ý thức được về mất cân bằng giới tính khi sinh, các quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, nêu gương những gia đình thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD; Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh (10 lớp, có 380 học viên là cộng tác viên ấp, khóm); Tổ chức nói chuyện chuyên đề về mất cân bằng giới tính khi sinh tại các địa bàn có dấu hiệu mất cân bằng giới tính khi sinh trong năm 2017 (04 cuộc có 200 người tham dự); Tổ chức lễ Mít tinh cổ động bình đẳng giới, bình đẳng giới trong đời sống gia đình không phân biệt con gái, con trai, không lựa chọn giới tính thai nhi (có hơn 1.000 lực lượng tham gia diễu hành gồm cán bộ, công chức, viên chức, người dân và học sinh, sinh viên); Tổ chức họp mặt chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn luyện của các cháu gái con gia đình sinh con một bề là gái có thành tích học tập, rèn luyện xuất sắc trong các trường phổ thông trung học trong tỉnh (có 180 em và 20 đại biểu tham dự); Thanh tra, kiểm tra các cơ sở y tế công lập và cơ sở y tế tư nhân có sử dụng dịch vụ siêu âm và các nhà sách trong tỉnh về các hành vi liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi (Kết quả kiểm tra được 37 cơ sở, không phát hiện có dấu hiệu vi phạm liên quan đến lựa chọn giới tính).

d/ Kiểm soát dân số các vùng biển và ven biển

Các huyện duy trì và thực hiện thường xuyên việc thu nhập thông tin ghi bổ sung vào sổ quản lý dân số địa bàn và nhập thông tin biến động vào kho dữ liệu điện tử cấp huyện. Lực lượng cộng tác viên tổ chức tuyên truyền, vận động thường xuyên tại cụm dân cư; Thu thập thông tin biến động Dân số - KHHGD tại các địa bàn vùng biển.

4.2 Công tác Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Tọa đàm tư vấn sức khỏe Chuyên đề Phòng chống bệnh ung thư vú, ung thư cổ tử cung cho cán bộ, hội viên phụ nữ huyện Trà cú; Tọa đàm Truyền thông kiến thức bình đẳng giới và chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên trên địa bàn thị xã Duyên Hải cho đối tượng là học sinh trung học phổ thông (với 380 học sinh tham gia); Kết hợp cùng với tổ chức UNICEF giám sát tuyến xã về Chương trình Dinh dưỡng khẩn cấp tại xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải và xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú; Tiếp và làm việc cùng đoàn Bệnh viện Từ Dũ giám sát về việc triển khai thực hiện EENC tại BVĐKKV Cầu Ngang, BVĐK Trà Cú và Bệnh viện Sản Nhi; Tham gia truyền thông kiến thức bình đẳng giới và CSSKSS vị thành niên – thanh niên ở 2 trường: THPT Thị xã Duyên Hải và THPT Long Hữu (với 750 học sinh tham gia); Tập huấn hoạt

động Phòng chống SDDTE năm 2017 cho đối tượng là chuyên trách Dinh dưỡng các Trạm Y tế chưa qua đào tạo (tổng số 28 học viên); Giám sát, hỗ trợ tuyến cơ sở tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; Khám sức khỏe trẻ em tại các trường mẫu giáo: Hoa Hồng, Măng Non và Hòa Mi; Giám sát, hỗ trợ về lĩnh vực CSSKSS và trẻ sơ sinh tại các TTYT huyện và BVĐKKV; Tham gia khám phụ khoa trong Chiến dịch Dân số - KHHGD tại xã Mỹ Chánh và Song Lộc, huyện Châu Thành.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 17.2 đính kèm*).

5. Công tác Y dược cổ truyền, phục hồi chức năng

5.1. Công tác Khám chữa bệnh và Phục hồi chức năng tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 18 đính kèm*).

5.2. Công tác dược, tổ chức bào chế thuốc phiến và thuốc thành phẩm YHCT dùng trong Bệnh viện Y Dược cổ truyền

Đảm bảo đủ thuốc chủ yếu cho công tác cấp cứu, khám chữa bệnh, phòng chống dịch; Đẩy mạnh công tác nuôi trồng dược liệu tại chỗ, sản xuất thuốc thành phẩm YHCT đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu phục vụ bệnh nhân nội trú, ngoại trú; Bệnh viện tiếp tục củng cố vườn thuốc mẫu đủ 60 cây thuốc theo quy định của Bộ Y tế, để tuyên truyền và hướng dẫn nhân dân biết cách sử dụng, điều trị một số bệnh, chứng ở gia đình và cộng đồng.

* Chỉ tiêu đạt được:

+ *Pha chế sản xuất*: Hột thuốc thang: 154.404 thang (đạt 154,4 %); Trà các loại: 37.012 gói (đạt 123,4%); Sắc thuốc thang: 38.297 thang (đạt 127,6 %).

+ *Thu hoạch dược liệu*: Dược liệu các loại (khô): 377 kg (đạt 75,4 %).

6. Công tác Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)

Tham mưu Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo ATTP tỉnh) ban hành các văn bản như sau: Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm (ATTP) giai đoạn 2011-2016 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hành động đảm bảo ATTP trên địa bàn tỉnh và tổ chức hoạt động cao điểm chào mừng 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch công tác ATTP năm 2017; Quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành giúp việc cho Ban Chỉ đạo ATTP tỉnh và Quy chế hoạt động của Tổ công tác; Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì ATTP năm 2017; Kế hoạch kiểm tra, giám sát BCD huyện Trà Cú, Châu Thành và Thành phố Trà Vinh trong Tháng hành động vì ATTP năm 2017; Báo cáo tổng kết Tháng hành động vì ATTP năm 2017; Báo cáo sơ kết công tác ATTP 06 tháng năm 2017; Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra ATTP trong dịp Tết Trung thu năm 2017.

Tham mưu Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh tổ chức 05 cuộc họp, hội nghị như: Hội nghị tổng kết công tác ATTP năm 2016, kế hoạch công tác ATTP năm 2017 và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra ATTP Tết Nguyên đán năm 2017; Hội nghị triển khai kế hoạch Tháng hành động vì ATTP năm 2017 và lễ mítting “Tháng hành động vì ATTP” năm 2017 của tỉnh tổ chức tại huyện Tiểu Cần; tổ chức họp sơ kết công tác an toàn thực phẩm (ATTP) quý I/2017 và triển khai kế hoạch quý II/

2017; sơ kết 6 tháng đầu năm 2017; triển khai thanh tra, kiểm tra Tết trung thu năm 2017.

Tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, kinh doanh thực phẩm chức năng (46 lớp với 921 người dự, cấp 863 giấy xác nhận kiến thức ATTP).

Giám sát ATTP tại 13 sự kiện, hội nghị trên địa bàn tỉnh với 10.502 suất ăn, sử dụng 36 test nhanh. Giám sát về việc thực hiện tạm dừng lưu thông hàng hóa thực phẩm chức năng (thực phẩm bảo vệ sức khỏe homplimin ginesng) của Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm Trà Vinh. Kiểm tra, giám sát Công ty TNHH thương mại Vision Việt Nam tại Cần Thơ tổ chức hội nghị, hội thảo thực phẩm chức năng ở Khách sạn Cửu Long, đã có hành vi vi phạm về quảng cáo sản phẩm thực phẩm chức năng không đúng theo nội dung đăng ký và ra quyết định xử phạt 20.000.000 đồng.

Thực hiện công tác chỉ đạo tuyên về ATTP tại 09 huyện, thị xã, thành phố; Khảo sát điều tra kiến thức ATTP cho 1.229 đối tượng người lãnh đạo, quản lý, người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm.

Thực hiện lấy mẫu giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm tại 06 huyện với 125 mẫu thực phẩm các loại.

Tập huấn, hội nghị: 06 cuộc với 774 người dự; Cấp và phát tài liệu tuyên truyền gồm: 115 đĩa, 11 Pano, 22 Băng rol, 100 Tờ rơi phòng ngừa ngộ độc rượu; Viết 07 tin, bài về ATTP gửi Cục An toàn thực phẩm.

* *Nhận và gửi mẫu kiểm nghiệm*: Tổng số mẫu là: 1.006 mẫu, trả kết quả 1.038, mẫu (đạt 924 mẫu, không đạt 114). *Thẩm định hồ sơ và cấp giấy*: 61 giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy, 207 giấy Công bố phù hợp quy định ATTP, 08 giấy Xác nhận nội dung hội thảo, 77 giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

* *Công tác thanh, kiểm tra về ATTP*:

Trong năm 2017, Thanh, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong các đợt như: dịp Tết Nguyên Đán năm 2017, Tháng hành động vì chất lượng VSATTP; Tết Trung thu, kiểm tra thực phẩm chức năng, sản xuất, chế biến, kinh doanh và dịch vụ ăn uống; nước uống đóng chai; kiểm tra đột xuất thực phẩm chức năng và dịch vụ ăn uống. *Kết quả*: Tổng số cơ sở được kiểm tra là: **356** cơ sở (trong đó cơ sở sản xuất, chế biến 127, cơ sở kinh doanh 57 và dịch vụ ăn uống 172 cơ sở), có **225** cơ sở vi phạm (cơ sở sản xuất, chế biến 59; kinh doanh 42 và dịch vụ ăn uống 124 cơ sở), có **171** cơ sở bị nhắc nhở và cam kết không tái phạm, có **09** cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm (49 loại sản phẩm bị tiêu hủy với số lượng là 2.634 kg); Đã ra quyết định xử phạt **107** cơ sở với số tiền **163.650.000** đồng (trong đó có 53 quyết định xử phạt nước uống đóng chai năm 2016 chuyển sang).

* *Tham gia phối hợp trong công tác thanh, kiểm tra với các đơn vị có liên quan*: Đoàn thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm Tết Nguyên Đán năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đoàn của Sở Công thương; Đoàn kiểm tra của Sở Công Thương kiểm tra các cơ sở sản xuất rượu ở thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải và Cầu Ngang, Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long và Châu Thành; Đoàn kiểm tra của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Trà Vinh về việc chấp hành chính sách pháp luật tại

khu công nghiệp và khu kinh tế; Đoàn thanh, kiểm tra ATTP trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại huyện Tiều Càn và Cầu Ngang; Đoàn kiểm tra an toàn thực phẩm của Sở Công thương, kiểm tra tại các chợ phường 1, phường 6, phường 3 của thành phố Trà Vinh.

* *Tình hình ngộ độc thực phẩm*: Trong năm 2017, xảy ra **01 vụ ngộ độc thực phẩm tại bữa tiệc sinh nhật** (bếp ăn gia đình ở địa chỉ: ấp Bình Hội, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh), số người ăn: 27 người, có 13 người mắc, không có trường hợp tử vong, nguyên nhân nghi ngờ do vi sinh vật. Ngoài ra, **tại Công ty TNHH Woosung Global Vina (ấp Chà Và, xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang)** xảy ra trường hợp 29 công nhân nhập viện, không có tử vong, nghi ngờ ngộ độc thực phẩm; Qua quá trình điều tra thì kết luận đây không phải là vụ ngộ độc thực phẩm, xử phạt với số tiền 15.000.000 đồng đối với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đại Hàn Kim (Chi nhánh số 4 Trà Vinh) là đơn vị cung cấp suất ăn sẵn cho công nhân của Công ty TNHH Woosung Global Vina do hành vi vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

7. Công tác Phòng, chống HIV/AIDS:

7.1. Tình hình dịch HIV/AIDS:

Trong 11 tháng năm 2017, tỉnh Trà Vinh đã giám sát phát hiện mới **110** trường hợp nhiễm HIV (trong tỉnh: **100** trường hợp); số bệnh nhân chuyển sang AIDS là **80** trường hợp (trong tỉnh: **77** trường hợp) và số bệnh nhân tử vong do HIV/AIDS là **21** trường hợp. So sánh cùng kỳ năm 2016: Số người nhiễm HIV tăng 03 ca, số bệnh nhân AIDS giảm 11 ca và số tử vong giảm 21 ca.

Kể từ trường hợp phát hiện nhiễm HIV đầu tiên từ tháng 4/1993 tính đến ngày 31/12/2016, toàn tỉnh có số trường hợp nhiễm HIV được phát hiện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là **2.359** trường hợp (*trong tỉnh: 2.014*), chuyển sang bệnh AIDS có **1.543** trường hợp (*trong tỉnh: 1.446*) và **873** trường hợp tử vong do AIDS (trong tỉnh: **861**). Tổng số trường hợp nhiễm HIV hiện còn sống trong tỉnh là **1.153** và số bệnh nhân AIDS hiện còn sống là **585**. Trong số **1.153** người được báo hiện nay đang còn sống, nhưng có **526** trường hợp không xác định được trên thực tế, những người này có thể trùng với những người quản lý được nhưng thông tin cá nhân không chính xác nên không loại trừ được, hoặc sợ kỳ thị nên đã họ cung cấp thông tin không đúng cho nhân viên y tế, do đó số quản lý được theo dõi chỉ có **627** trường hợp (chiếm tỉ lệ **54,4%**).

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trên 100.000 dân là 106,6. Trong 9 huyện, thị xã, thành phố thì TP. Trà Vinh có số trường hợp nhiễm HIV còn sống cao nhất (244 trường hợp) chiếm tỉ lệ 21,2%; thấp nhất là Huyện Duyên Hải (61 trường hợp) chiếm 5,3% số trường hợp còn sống toàn tỉnh.

Địa bàn báo cáo có số người nhiễm HIV đã bao phủ 9/9 huyện/ thị xã/ thành phố và 105/106 xã/ phường/ thị trấn (riêng xã Hiệp Thạnh huyện Duyên Hải hiện chưa phát hiện ca nhiễm nào). Thành phố Trà Vinh là trung tâm thương mại, kinh tế, xã hội của tỉnh, tập trung nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ, nhiều tụ điểm vui chơi

giải trí nên có tỉ lệ nhiễm cao nhất tỉnh (20,6%), kể đến là huyện Càng Long (14,5%) và huyện Châu Thành (13,6%).

Trong số những người được báo cáo xét nghiệm mới phát hiện nhiễm HIV trong 11 tháng năm 2017, nữ giới chiếm 36%, nam giới chiếm 64%, lây truyền qua đường tình dục chiếm 94%, lây truyền qua đường từ mẹ sang con chiếm 5% và lây truyền qua đường máu chiếm 1%. Trong các nhóm tuổi của các trường hợp được phát hiện thì độ tuổi từ 20 – 39 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (80%) vì đây là nhóm tuổi tham gia lao động chính trong xã hội và đồng thời cũng có những hoạt động sinh hoạt tình dục cao nhất.

7.2 Triển khai các hoạt động Phòng chống HIV/AIDS:

a) Thông tin giáo dục truyền thông và huy động cộng đồng

- Trong 11 tháng năm 2017, nhờ hệ thống loa, đài phát thanh sẵn có tại các xã/phường/ thị trấn, các huyện/ thị xã/ thành phố đã thực hiện truyền thông trực tiếp cho 117.549 lượt người, tăng 28.286 lượt người so với cùng kỳ năm 2016.

- Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh tổ chức tọa đàm và phát sóng tuyên truyền và đăng tin bài phòng, chống HIV/AIDS và Methadon; Kết quả: phát sóng **48** lần tuyên truyền về HIV/AIDS và **26** lần tuyên truyền về Methadone, **02** cuộc tọa đàm, đăng tin bài **07** kỳ về HIV/AIDS và **12** kỳ về Methadone, trang Thông tin điện tử SYT **03** tin, TT TTGDSK **10** tin.

- Phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh Trà Vinh tổ chức truyền thông phổ biến kiến thức phòng, chống HIV/AIDS cho CNVCLĐ đang làm việc tại các khu công nghiệp trong tỉnh. Kết quả tổ chức được **18 cuộc/1.320** lượt người tham dự.

- Phối hợp với Trại giam Bến Giá tổ chức truyền thông phổ biến kiến thức phòng, chống HIV/AIDS cho phạm nhân Trại giam Bến Giá. Kết quả tổ chức được **04 cuộc/ 350** lượt người tham dự.

- Tổ chức truyền thông nhân các sự kiện đặc biệt trong năm: Tham mưu cùng Ban chỉ đạo phòng, chống tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc lập kế hoạch triển khai tháng hành động quốc gia 1/12. Kết quả, cấp tỉnh tổ chức tại thành phố Trà Vinh có **650** lượt người tham gia mít tinh và diễu hành và cấp huyện tổ chức tại 06 huyện (Cầu ngang, Cầu Kè, Trà Cú, Châu Thành, TX. Duyên Hải, Duyên Hải) có **1.971** người tham dự.

- Tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức phòng, chống HIV/AIDS cho cán bộ y tế và cán bộ ban ngành đoàn thể các xã, phường, thị trấn tại các huyện, thị xã, thành phố. Kết quả: Tổ chức **09 cuộc có 104 đội/520** thí sinh và hơn **275** cổ động viên tham dự và **01** cuộc hội thi vòng chung kết có **09 đội/45** thí sinh và hơn **40** cổ động viên.

- Phân phối các tài liệu truyền thông: phân phối cho TTYT 09 huyện, thị xã, thành phố, Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh Trà Vinh; Trung tâm CSSKSS tỉnh, TTTT GDSK tỉnh; Phòng Cảnh sát phòng, chống ma túy- Công an tỉnh Trà Vinh với số lượng: **338** băng gol tuyên truyền, **54.940** tờ rơi, **1.580** tờ áp phích, **240** đĩa VCD tuyên truyền, Sổ tay, tranh lật: **1.400** quyển, **1.200** quyển tạp chí.

- Khảo sát **36** cụm pano tuyên truyền đã lắp đặt trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (trong đó hư hỏng toàn bộ 02 cụm, sửa chữa hình nền: 10 cụm; còn mới: 24cụm).

- Giám sát hoạt động truyền thông và các điểm đặt hộp chứa bao cao su, bơm kim tiêm, pano tuyên truyền hàng quý trên địa bàn 09 huyện/thị xã/ thành phố và 106 xã, phường, thị trấn.

b) Hoạt động Can thiệp giảm tác hại

Trong năm 2017, hoạt động phân phát bao cao su và bơm kim tiêm miễn phí đã tiếp tục được triển khai trong tỉnh Trà Vinh với **62/106** xã/phường/thị trấn, nâng tổng số điểm đặt hộp nhôm hiện đang hoạt động lên **206** hộp nhôm đựng bao cao su, bơm kim tiêm tại các nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn.

Hoạt động can thiệp giảm tác hại được đẩy mạnh với số hộp nhôm mới lắp đặt cùng với hoạt động của 20 đồng đẳng viên, trong năm 2017 tỷ lệ người nghiện chích ma túy nhận được bơm kim tiêm là **80,1%** đã tăng **12,2%** so với năm 2016, tỷ lệ phụ nữ bán dâm nhận được dịch vụ là **98,3%** đã tăng **22,6%** so với năm 2016 và tỷ lệ nam có quan hệ tình dục với nam, vợ, chồng, bạn tình người nhiễm HIV nhận được dịch vụ vẫn được duy trì so với năm 2016 là 100%.

c) Về tình hình điều trị Methadone: tính đến ngày 30/11/2017, lũy tích số bệnh nhân đăng ký tham gia điều trị tại cơ sở là **61** và số bệnh nhân hiện đang được điều trị là **21** người.

d) Về tình hình điều trị ARV:

Trong năm 2017 số bệnh nhân hiện đang được chăm sóc điều trị tại các phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS tuyến tỉnh và huyện là **516** (nữ: 223 và trẻ em <15 tuổi: 27), tăng **79** bệnh nhân so với năm 2016.

Hiện nay tại các huyện, thị xã đã thành lập 08 Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS và TTPC HIV/AIDS đã tiến hành hỗ trợ các phòng khám này trong việc tiếp nhận, quản lý, chăm sóc điều trị cho bệnh nhân và hướng dẫn báo cáo, dự trữ thuốc nhằm đáp ứng nhu cầu điều trị ARV theo bảo hiểm y tế của bệnh nhân. Hiện nay trong tổng số **516** bệnh nhân đang điều trị ARV, chỉ có **317** bệnh nhân đồng ý chuyển về các phòng khám chuyên khoa tuyến huyện, thị xã. Tuy nhiên kết quả này cũng đáng ghi nhận khi trong năm 2016 chỉ có **101** bệnh nhân đồng ý chuyển về các PKCK huyện, thị xã. Trong năm, TT PC HIV/AIDS đã liên hệ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh nhận **252** thẻ BHYT cấp cho bệnh nhân HIV/AIDS (Số bệnh nhân có thẻ BHYT là **491**, đạt tỷ lệ **95,2%**).

e) Về tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện: Tại Trà Vinh hiện có 02 phòng tư vấn xét nghiệm HIV (đặt tại TTPC HIV/AIDS và TTYT huyện Càng Long) và 01 Phòng xét nghiệm khẳng định HIV dương tính đặt tại TTPC HIV/AIDS. Trong năm 2017 đã triển khai tư vấn xét nghiệm cho **22.379** người, trong đó đặc biệt đã xét nghiệm sàng lọc cho **17.358** phụ nữ mang thai, **378** bệnh nhân lao, **44** đối tượng là vợ/ chồng/ bạn tình người nhiễm... với tổng số lượt xét nghiệm HIV dương tính là **126** lượt người; Số

lượt người xét nghiệm toàn tỉnh năm 2017 đã tăng **761** lượt người (**tăng 5,2%**) so với cùng kỳ năm 2016.

f) Hoạt động phối hợp dự phòng Lao

Khám sàng lọc Lao và cấp phát thuốc dự phòng Lao bằng INH cho: 90 ca. Số bệnh nhân điều trị ARV được bắt đầu điều trị Lao trong kỳ báo cáo: 01 ca. Số người mắc Lao phát hiện nhiễm HIV bắt đầu được điều trị ARV trong kỳ báo cáo: 13 ca.

g) Hoạt động Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

Trong năm 2017 đã xét nghiệm cho **17.358** bà mẹ; Thực hiện điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho **13** phụ nữ mang thai nhiễm HIV (bao gồm các ca phát hiện mới và các ca cũ), giảm 18,8% so với năm 2016, trong đó có 05 phụ nữ mang thai nhiễm HIV điều trị ARV trước khi có thai (chiếm 38,5%), bắt đầu điều trị ARV trong thời kỳ mang thai là 03 ca (23,1%) và điều trị ARV trong khi chuyển dạ/đẻ là 05 ca (38,4%). Tổng số trẻ đẻ sống từ mẹ nhiễm HIV là **11** ca, trong đó, được dự phòng ARV: **11** ca; được làm xét nghiệm PCR lần 1: **05** ca (trong vòng 02 tháng tuổi) và có kết quả âm tính.

h) Công tác giám sát dịch HIV/AIDS, theo dõi và đánh giá

Trong năm 2017 đã thực hiện giám sát tổng cộng được **111** ca. Trong 100 trường hợp phát hiện mới năm 2017 thì số bệnh nhân quản lý và đang điều trị là 98 ca, đạt 98% ; tăng 4,9% so với năm 2016. Trong 5 năm trở lại đây, thì công tác quản lý bệnh nhân HIV phát hiện mới đã ngày càng đạt được hiệu quả hơn khi trong năm 2013 tỷ lệ HIV quản lý/phát hiện chỉ đạt **63%** và đến 11 tháng năm 2017, tỷ lệ này là **98%**.

8. Công tác Truyền thông giáo dục sức khỏe

Sản xuất, phát hành Tờ Thông tin sức khỏe số Xuân và các số từ 1 đến 8 (10.000 tờ); Hợp đồng với Đài Phát thanh và Truyền hình phát thông điệp VSATTP, SXH, Zika, Dinh dưỡng (50 lần); Tổ chức xe loa tuyên truyền, mítting ATVSTP, Phòng chống Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Zika, Ngày Đất ngập nước Thế giới, Tuần lễ dinh dưỡng trên địa bàn 09 huyện, thị xã, tp (40 ngày); In băng rol tuyên truyền tổng cộng 960 băng rol; Sản xuất và sửa chữa lắp đặt 45 pano Phòng chống dịch bệnh; Cấp phát 40.000 tờ bướm SXH và Zika, 2.000 tờ áp phích SXH cho mạng lưới truyền thông tuyến cơ sở; Sản xuất 285 đĩa CD Lao, Ngày đất ngập mặn và SXH (tiếng Việt & Khmer) cấp cho Trung tâm Y tế 9 huyện, thị xã, tp; Tập huấn về phòng chống tác hại của thuốc lá cho đối tượng là cán bộ tham gia hoạt động PCTHCTL, Thanh tra, Công an huyện, thành phố, Đội đánh giá liên ngành (15 lớp, với 800 học viên tham dự); Tập huấn kỹ năng truyền thông và viết tin cho cán bộ tuyến cơ sở tại 9 huyện, thành phố (09 lớp, tổng số 360 học viên); Nói chuyện chuyên đề phòng chống SXH, Zika 9 huyện, thị xã, thành phố (19 lớp, 1.140 người tham dự); Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình mời diễn giả chuyên gia của Viện Pasteur T.PHCM và BV Nhi đồng TP.HCM tổ chức tọa đàm trực tiếp phòng chống bệnh SXH.

9. Công tác Kiểm nghiệm, Giám định y khoa, Pháp y

a) Công tác Kiểm nghiệm : Phối hợp với các Bệnh viện huyện, thị xã kiểm tra giám sát chất lượng 75 mẫu dược liệu. Kiểm tra tổng cộng 708 lượt, đạt 101,1%; Tổng số mẫu kiểm nghiệm 650 mẫu, đạt 118,2 % (trong đó: Thuốc tân dược: 514 mẫu, đạt 109,4 %, Thuốc đông dược - dược liệu: 97 mẫu, đạt 138,6 %, Mỹ phẩm: 39 mẫu, đạt 390 %); *Kết quả:* Thuốc không đạt chất lượng: 31 mẫu (22 mẫu mỹ phẩm, 05 mẫu tân dược, 04 mẫu dược liệu), Thuốc giả: 02 mẫu (dược liệu).

b) Công tác Giám định y khoa: Khám, giám định tổng cộng 31.263 lượt người (trong đó khám sức khỏe 30.225 lượt người, đạt 137,4%).

c) Công tác Pháp y: Giám định pháp y cho tổng cộng 171 người (trong đó, giám định thương tích cho 137 người, đạt 80,59% và giám định tình dục cho 34 người, đạt 113,3%).

10. Các công tác khác

10.1 Công tác kế hoạch tài chính, xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị

a) Công tác kế hoạch tài chính

Thực hiện kế hoạch sử dụng quỹ kết dư BHYT năm 2015, trong đó: Hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS, cho bệnh nhân tâm thần, cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, cho học sinh sinh viên thuộc hộ gia đình đông con có khó khăn về kinh tế: 5.092.691.400 đ; Mua 3 xe ô tô cứu thương cho TTYT Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè: 4.072.500.000 đ; Chuyển cho quỹ Khám chữa bệnh người nghèo của tỉnh: 6.488.427.982 đ.

Lập điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 09/10/2017.

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT trong các cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 19/10/2017; Xây dựng Đề án nâng giường bệnh kế hoạch của BVĐK huyện Trà Cú từ 100 lên 200 giường, BVĐK tỉnh từ 500 lên 600 giường, BVĐKKV Cầu Ngang từ 200 lên 260 giường, đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Tình hình về thu, chi tài chính (*chi tiết tại Phụ lục 2 - Bảng 19 đính kèm*).

b) Công tác xây dựng cơ bản

- Tiếp tục thi công và hoàn thành đưa vào sử dụng cải tạo BVĐK huyện Cầu Kè, Trạm Y tế thị trấn Long Thành và Trạm Y tế xã Long Khánh; Tổ chức đấu thầu, triển khai thi công xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng cải tạo BVĐK huyện Châu Thành; Tổ chức đấu thầu, triển khai thi công xây dựng mở rộng BVĐK huyện Cầu Kè.

- Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, BVĐKKV Cầu Ngang, BVĐKKV Tiểu Cần (*Kết quả:* Cung cấp hậu cần nội bộ, cung cấp xe vận chuyển chất thải, Nhà lưu giữ chất thải rắn và đặt thiết bị, đã hoàn thành

100% cho các bệnh viện thụ hưởng dự án; Hệ thống xử lý nước thải đã nghiệm thu xong và đưa vào sử dụng cho Bệnh viện Cầu Ngang).

- Hiện nay, chưa bàn giao cho đơn vị sử dụng Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Đa khoa tỉnh (do nhà thầu chưa trình hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng và hồ sơ khác có liên quan); Hệ thống xử lý chất thải rắn tại 03 cụm bệnh viện, mới nghiệm thu lắp đặt thiết bị vào ngày 24/10/2017, hiện đang vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng để bàn giao chính thức cho đơn vị sử dụng.

- Tổ chức thực hiện lập thủ tục chuẩn bị đầu tư cho các dự án như sau:

+ *Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh*: Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Tổ chức thực hiện Khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch chi tiết; Tổ chức thực hiện cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500; Tổ chức thực hiện công bố Quy hoạch chi tiết xây dựng; Tổ chức, trình phê duyệt kết quả tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc; Phối hợp với UBND thành phố, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB), thu hồi đất; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (dự án đầu tư; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu vắn bước 2; Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu vắn bước 2; Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu vắn bước 2; Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thương thảo hoàn thiện hợp đồng, ký hợp đồng và triển khai thực hiện lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

+ *Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải*: Giao Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Duyên Hải thực hiện xong việc hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng thu hồi đất; Tổ chức đấu thầu vắn thiết kế; Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu vắn thiết kế; Thương thảo hoàn thiện hợp đồng, ký hợp đồng và triển khai thực hiện lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; Tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà thầu ở bước 2 như: Tư vấn thẩm tra; Quản lý dự án; khảo sát địa chất; rà phá bom mìn; Tổ chức thực hiện Khảo sát địa chất; Tổ chức thực hiện thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh dự án (do giảm thiết bị xử lý chất thải rắn, thay đổi giải pháp kết cấu thiết kế nền, móng); Trình thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

+ *Cải tạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Trà Vinh*: Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng.

+ *Cải tạo Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản*: Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng.

+ Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Đại Phúc, huyện Càng Long và Trạm Y tế xã Thanh Mỹ huyện Châu Thành (vốn EU).

+Tổ chức lập hồ sơ, trình đề xuất dự án nguồn vốn nước ngoài, nhưng chưa được chấp thuận về vốn, gồm: Nâng cấp, mở rộng BVYDCT tỉnh; Mở rộng Bệnh viện Đa khoa thị xã Duyên Hải; Mở rộng BVĐK khu vực Cầu Ngang; Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Trà Vinh.

c/ Công tác mua sắm trang thiết bị

- Thực hiện xong dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho các đơn vị thuộc dự án Mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn kết dư quỹ định suất bảo hiểm y tế năm 2013, tổng kinh phí đầu tư là 9.034.370.000 đồng.

- Thực hiện xong dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho các đơn vị thuộc dự án Mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn kết dư quỹ định suất bảo hiểm y tế năm 2014, tổng kinh phí đầu tư là 9.643.745.000 đồng.

- Thực hiện xong dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang, tổng kinh phí đầu tư là 2.220.629.000 đồng.

- Thực hiện dự án đầu tư Bổ sung trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Y dược cổ truyền: Gói thầu số 08: xe ô tô cứu thương đã ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu, Gói thầu số 07: thiết bị y tế gồm 43 thiết bị đang trong giai đoạn đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Thực hiện dự án đầu tư Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần chuẩn bị đăng báo mời thầu (đấu thầu quốc tế).

- Lập dự án đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi và Bệnh viện Đa khoa tỉnh, tổng mức đầu tư 53.200.000.000 đồng: đã trình UBND tỉnh phê duyệt dự án.

- Lập phương án mua sắm trang thiết bị cho các đơn vị trực thuộc sử dụng phần kinh phí thu hồi theo kết luận số 04/KL-TTr ngày 14/7/2017 của Chánh thanh tra tỉnh, tổng kinh phí là 11.734.526.994 đồng gửi Sở Tài chính xem xét.

10.2 Công tác Dược và đấu thầu thuốc, vật tư y tế

Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017 – 2020, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3644/UBND-KGVX, ngày 02/10/2017.

Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về dược và mỹ phẩm mới ban hành đến 30 cơ sở khám, chữa bệnh và 887 cơ sở kinh doanh dược.

Chỉ đạo việc thực hiện Chính sách quốc gia về thuốc: Xây dựng danh mục thuốc chủ yếu sử dụng tại cơ sở y tế công lập từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện; tuyến phường, xã do TTYT huyện, thành phố xây dựng dựa trên Danh mục thuốc chủ yếu sử dụng thống nhất toàn ngành do Sở Y tế ban hành được xây dựng, bổ sung hàng năm để cho phù hợp với tình hình của địa phương. Đảm bảo đủ thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu đã qui định nhằm đảm bảo tối thiểu về mặt chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, phát triển và hoàn thiện mạng lưới cung ứng thuốc cho cộng đồng.

Chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn về thực hành tốt (GPs), đặc biệt là Thực hành tốt nhà thuốc (GPP): Số cơ sở đạt GDP có 07/07 cơ

sở; Số cơ sở đạt GPP: 863 cơ sở, chiếm tỉ lệ 100% (trong đó Nhà thuốc đạt GPP là 107 cơ sở, quầy thuốc đạt GPP là 756 cơ sở).

Chỉ đạo các đơn vị về việc tăng cường sử dụng thuốc sản xuất trong nước: Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước trong Danh mục thuốc đầu thầu và hỗ trợ về chuyên môn cho 02 doanh nghiệp sản xuất thuốc trong tỉnh là Công ty cổ phần Dược phẩm TV. Pharm và Công ty TNHH Thanh Thảo.

Sở Y tế phối hợp với các Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố trong việc kiểm tra hoạt động của các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, lấy mẫu thuốc để kiểm tra chất lượng. Sở Y tế thành lập đoàn Thanh, kiểm tra thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc tại 22 đơn vị gồm: 09 Bệnh viện (trong đó có 01 Bệnh viện tư nhân Minh Tâm), 05 Trung tâm (03 Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản), 01 Công ty cổ phần dược phẩm; 02 Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm; 02 phòng khám đa khoa; 02 Công ty TNHH Dược phẩm; 01 Cơ sở tư vấn và điều trị nghiện ma túy (thuộc Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Trà Vinh).

*** Công tác đấu thầu, cung ứng thuốc:**

- Đấu thầu mua sắm hóa chất thuộc dự án: Mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng từ thời điểm hiện tại cho đến hết quý I/2017 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế; Kết quả trúng thầu: 151 lô, 174 mặt hàng, giá trị: 3.522.943.548 đ.

- Gói thầu mua thuốc sử dụng trong các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2017; Kết quả trúng thầu: 1.993 mặt hàng, giá trị: 711.444.092.670 đ.

- Gói thầu Mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán sinh phẩm chẩn đoán từ thời điểm hiện tại cho đến hết Quý I năm 2017 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh (trừ BVĐK Trà Vinh). Kết quả trúng thầu: 725 mặt hàng, Giá trị: 45.922.625,00đ.

- Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua thuốc, vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2018.

10.3 Công tác Thanh tra y tế

a) Thanh tra hành chính:

- *Tổng số cuộc thực hiện:* 01 cuộc; thanh tra hành chính, thanh tra toàn diện Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Sở Y tế.

- *Số đơn vị có vi phạm:* 01/01 số đơn vị được thanh tra; *Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra:* Trong quá trình tiếp nhận tiền, tài sản và duyệt chi chứng từ thiếu kiểm tra; Số tiền, đất, tài sản được phát hiện có vi phạm: tiền tồn quỹ thiếu 3.542.864 đồng.

- *Kiến nghị xử lý vi phạm:* Xử lý trách nhiệm về kinh tế: nộp phục hồi số tiền mặt 3.542.864 đồng từ nguồn Dự án phòng, chống suy dinh dưỡng đã bị mất trộm tại Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè vào ngày 13/5/2005; Xử lý kỷ luật hành chính: rút kinh nghiệm 02 cá nhân.

b) Thanh tra chuyên ngành:

- Tổng số cuộc thanh tra chuyên ngành: 19 cuộc (08 thành lập đoàn); Tổng số đối tượng được thanh tra: 700 cơ sở (615 cá nhân, 85 tổ chức); Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu: khám, chữa bệnh; thuốc, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế; môi trường y tế; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế; cung cấp nước uống, nước sinh hoạt; Dân số- kế hoạch hóa gia đình; vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Kết quả thanh tra: Tổng số tổ chức, cá nhân có vi phạm: 154 cơ sở; Nội dung các vi phạm chủ yếu¹; Tổng số quyết định xử phạt VPHC được ban hành: 153 quyết định; Tổng số tiền xử phạt VPHC thu được: 1.001.900.000 đồng (một tỷ không trăm lẻ một triệu chín trăm ngàn đồng).

Trong đó, phân tích cụ thể như sau:

+ *Thanh, kiểm tra hành nghề dược*: tổng cộng 150 cơ sở, phát hiện 25 cơ sở vi phạm; phạt tiền 25 cơ sở vi phạm với số tiền 183.000.000 đồng.

+ *Thanh, kiểm tra hành nghề y*: tổng cộng 193 cơ sở, phát hiện 17 cơ sở vi phạm; phạt tiền 17 cơ sở vi phạm với số tiền 550.000.000 đồng.

+ *Thanh, kiểm tra môi trường y tế*: tổng cộng 65 cơ sở, phát hiện 06 cơ sở vi phạm; phạt tiền 05 cơ sở vi phạm với số tiền 4.500.000 đồng.

+ *Thanh, kiểm tra về công tác Dân số-KHHGD*: tổng cộng 40 cơ sở, không có cơ sở vi phạm.

+ *Thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm*: tổng cộng 158 cơ sở, phát hiện 74 cơ sở vi phạm; phạt tiền 74 cơ sở vi phạm với số tiền 74.400.000 đồng.

+ *Thanh, kiểm tra về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế*: tổng cộng 26 cơ sở, không có cơ sở vi phạm.

+ *Thanh, kiểm tra việc cung cấp nước uống, nước sinh hoạt*: tổng cộng 50 cơ sở, vi phạm 32 cơ sở; phạt tiền với số tiền 190.000.000 đồng.

- *Thanh, kiểm tra thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc*: tổng cộng 18 cơ sở, kết quả các cơ sở thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc.

- *Tham gia đoàn thanh tra về an toàn bức xạ*: tại 05 cơ sở (Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng, tiệm vàng Công Hưng, Công ty Yazaky, Công ty PHATECO, Công ty GTC); Điều tra tai nạn lao động 02 vụ (Trường tiểu học Hiệp Hòa B, Trung tâm khai thác vận chuyển thuộc Bưu điện tỉnh).

¹ Kinh doanh thuốc không có chứng chỉ hành nghề dược; kinh doanh thuốc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc; bán thuốc cho người bệnh dưới mọi hình thức, trừ người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; giấy chứng nhận thực hành tốt đã hết thời hạn có hiệu lực; bán lẻ, bán buôn thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng; bán buôn dược liệu đã qua sơ chế không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hành nghề không có chứng chỉ hành nghề; cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh mà không có giấy phép hoạt động; cung cấp nước ăn uống, nước sinh hoạt không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; thải, bỏ các chất, vật dụng có khả năng làm lây lan bệnh truyền nhiễm gây dịch; không thực hiện khám sức khỏe định kỳ, không xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, không bảo hộ lao động, vệ sinh cơ sở kém.

b) Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Công tác tiếp công dân: 01 vụ việc khiếu nại trong lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội.

- Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: tiếp nhận 09 đơn (khiếu nại 06 đơn, tố cáo 01 đơn, kiến nghị phản ánh 02 đơn), trong đó đơn thuộc thẩm quyền 05, số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền 02, số đơn trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền 02.

- Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền: 04 đơn khiếu nại (số vụ việc khiếu nại sai 01, số vụ việc khiếu nại đúng một phần 03), 01 đơn tố cáo (kết quả kiểm điểm rút kinh nghiệm).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo: Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm 01 đơn vị, Số đơn vị có vi phạm 01/01 số đơn vị được thanh tra, kiểm tra; Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: chưa xây dựng, ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân, lịch tiếp công dân; Kiến nghị: rút kinh nghiệm 01 cá nhân.

c) Công tác phòng, chống tham nhũng

- Kết quả thực hiện đề quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Tổng số 10 cuộc, với hơn 1.820 lượt người dự.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra 01 cuộc; Số đơn vị có vi phạm 01/01 số đơn vị được thanh tra, kiểm tra; Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: việc xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng chưa đầy đủ, chi tiết, cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, thực hiện công tác thông tin báo cáo chưa đầy đủ và kịp thời; Kiến nghị: rút kinh nghiệm 01 cá nhân.

10.4 Công tác Quản lý hành nghề y, dược tư nhân

Cấp mới, điều chỉnh, cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược: 250 cá nhân; Thẩm định cơ sở cấp mới, điều chỉnh, cấp lại Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc: 350 cơ sở (GPP); Thẩm định cơ sở GSP: 02 công ty; Thẩm định cơ sở GDP: 02 công ty; Công bố mỹ phẩm: 17 sản phẩm; Lấy mẫu hậu kiểm mỹ phẩm: 40 mẫu.

Cấp Chứng chỉ hành nghề: 334 chứng chỉ; Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 92 giấy phép; Ra quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh: 44 chứng chỉ.

Cấp phép Phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học: cấp lại 07 cơ sở; Cấp giấy cho Cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe :07 cơ sở; Cấp giấy đủ điều kiện An toàn tiêm chủng: cấp lại 11 Trạm Y tế và 02 Trung tâm Y tế; Cấp giấy đủ điều kiện Quan trắc môi trường lao động: 01 cơ sở; Cấp giấy cơ sở Massage đủ điều kiện: 10 cơ sở; Cấp giấy đủ điều kiện cơ sở dịch vụ thẩm mỹ: 01 cơ sở; Cấp giấy phép hoạt động

xe cấp cứu: 15 xe cứu thương; Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền: 01 cơ sở; Cấp giấy chứng nhận lương y: 03 cơ sở; Khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo: 56 lượt.

10.5 Công tác Văn phòng

Công bố mới 03 thủ tục hành chính lĩnh vực trang thiết bị y tế tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính lĩnh vực y tế dự phòng về an toàn tiêm chủng tại Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; Công bố mới 29 thủ tục hành chính và bãi bỏ 23 TTHC lĩnh vực khám chữa bệnh tại Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 06/9/2017. Triển khai dịch vụ công mức độ 3: 9 thủ tục hành chính, mức độ 4: 3 thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện phần mềm một cửa điện tử tại Văn Phòng Sở Y tế. Thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 sang ISO 9001: 2015.

Triển khai thí điểm mô hình “Chính quyền công sở thân thiện” tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh.

Triển khai Dự án ứng dụng công nghệ thông tin ngành Y tế giai đoạn 2; Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh trong khám chữa bệnh và thanh toán BHYT cho 100 cơ sở khám, chữa bệnh trong tỉnh.

Kiểm tra công vụ tại các đơn vị trực thuộc: Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện ĐKKV Tiểu Cần.

IV. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1 Kết quả đạt được

Công tác triển khai chỉ đạo thực hiện: Các cấp ủy đảng, chính quyền đã nhận thức sâu sắc, quán triệt đầy đủ trong quá trình điều hành và lãnh chỉ đạo, nhận thức rõ tầm quan trọng việc cần thiết phát triển hệ thống y tế cùng với tình hình phát triển chung về kinh tế xã hội của từng địa phương. Tổ chức xây dựng kế hoạch tăng cường công tác lãnh chỉ, đạo việc củng cố, hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở, ban hành các chủ trương ưu tiên chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt quan tâm đến sức khỏe vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, góp phần nâng cao đời sống nhân dân xóa đói giảm nghèo.

Một số cơ sở được đầu tư mới trang thiết bị y tế.

Công tác phòng chống dịch: Cơ sở hạ tầng, nhân lực, phương tiện, ngân sách cho y tế dự phòng được tăng cường đầu tư. Mạng lưới y tế dự phòng rộng khắp từ tuyến tỉnh đến ấp/khóm, hoạt động phòng chống được tăng cường, phát hiện và khống chế dập dịch kịp thời.

Công tác khám chữa bệnh và cung cấp dịch vụ y tế: Mạng lưới khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở công lập/ngoài công lập, được mở rộng và củng cố. Công tác đào tạo cán bộ có quan tâm, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế và cung cấp dịch vụ y tế đa dạng và chất lượng tốt hơn.

Công tác quản lý dược và cung ứng thuốc: Triển khai thực hiện Chính sách quốc gia về thuốc; Các cơ sở y tế từ bệnh viện đến trạm y tế có đủ thuốc theo danh mục và phù hợp với phân tuyến kỹ thuật qui định của Bộ Y tế.

Công tác quản lý hành nghề: Dược tăng cường, tổ chức thanh kiểm tra và quản lý các cơ sở hành nghề y dược tư nhân theo Luật Khám chữa bệnh, Luật Dược.

Công tác ứng dụng Công nghệ thông tin: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngành, công tác chuyên môn, quản lý bệnh viện, ứng dụng phần mềm M-Office trong trao đổi thông tin và phát triển trang Thông tin điện tử của ngành.

Công tác xã hội hóa: Mạng lưới khám chữa bệnh công lập/tư nhân được đầu tư nâng cấp, góp phần mở rộng hệ thống cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng.

2. Tồn tại, nguyên nhân

Công tác tổ chức bộ máy: Hiện nay tuyến huyện/thành phố tồn tại các đơn vị y tế như: Phòng Y tế trực thuộc UBND huyện, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế gồm: Bệnh viện đa khoa khu vực, Trung tâm Dân số - KHHGD (trực thuộc Chi cục DS-KHHGD) và Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố quản lý Trạm Y tế xã/Phòng khám Đa khoa khu vực. Trong quá trình phân công nhiệm vụ, phối hợp chỉ đạo thực hiện hoạt động y tế chưa thống nhất, còn chông chéo, hiệu quả chưa cao. Hiện nay chính sách thu hút nhân tài đối với cán bộ ngành y tế gặp nhiều khó khăn vì chính sách thu hút chung của tỉnh vẫn chưa hấp dẫn những bác sỹ giỏi nên rất khó mời bác sỹ có trình độ chuyên môn giỏi về công tác trong ngành; Nhân lực y tế còn thiếu, nhất là cán bộ có trình độ sau đại học, các chuyên khoa như: ngoại thần kinh, nhi – sơ sinh, huyết học, ung bướu, bỏng, giám định pháp y, sức khỏe tâm thần cộng đồng, phục hồi chức năng...

Công tác đầu tư trang thiết bị y tế chưa đáp ứng nhu cầu cho các cơ sở khám chữa bệnh theo danh mục quy định của Bộ Y tế.

Công tác phòng chống dịch: Tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, không xảy ra các ổ dịch lớn. Tuy nhiên hiện nay thời tiết diễn biến phức tạp và thường xuyên thay đổi đột ngột tạo điều kiện cho một số bệnh có chiều hướng gia tăng so với cùng kỳ năm 2016 như: Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Quai bị, Tiêu chảy...; trong đó có 03 trường hợp tử vong do Sốt xuất huyết và bệnh Tay chân miệng có chiều hướng tăng nhanh so với năm 2016; ngoài ra, còn xuất hiện 05 ca bệnh do Liên cầu lợn và có 01 ca tử vong do bệnh Đại.

Công tác quản lý Dược và cung ứng thuốc: Việc kiểm soát, quản lý hành nghề dược, bán buôn thuốc ngày càng đa dạng và phức tạp.

Công tác xã hội hóa y tế: Hệ thống y tế tư nhân, đặc biệt là bệnh viện tư, số lượng còn ít. Việc hợp tác quốc tế, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế chưa được đẩy mạnh, thiếu những liên doanh liên kết mang tính ổn định lâu dài.

Công tác phối hợp chỉ đạo liên ngành: Thực hiện quy chế phối hợp liên ngành của Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe ban đầu, hoạt động phối hợp chưa chặt chẽ và chưa thực sự hiệu quả. Sự tham gia của một số Ban, ngành, đoàn thể và tổ chức xã

hội còn hạn chế, chưa huy động được sức mạnh tổng hợp trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Bên cạnh một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có ý thức chấp hành tốt các quy định của nhà nước về điều kiện bảo đảm ATTP thì vẫn còn tồn tại một số cơ sở chưa có ý thức cao trong việc bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng như: chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa thực hiện việc xác nhận kiến thức ATTP và giấy xác nhận đủ sức khỏe theo quy định, các cơ sở kinh doanh thực phẩm, căn tin trường học bày bán đa dạng nhiều loại thực phẩm không có dán nhãn hoặc có dán nhãn nhưng không ghi đầy đủ thông tin hoặc không đúng quy định, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh bày bán các loại thực phẩm kém chất lượng, quá hạn sử dụng, cơ sở sản xuất không bảo đảm vệ sinh, sắp xếp hàng hóa không ngăn nắp, gọn gàng. Nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí để thực hiện công tác quản lý ATTP còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình hiện nay. Năng lực cán bộ làm công tác quản lý ATTP còn yếu, đặc biệt tuyến huyện, thị xã, thành phố chủ yếu là kiêm nhiệm nên công tác tham mưu quản lý ATTP tại các địa phương còn hạn chế.

PHẦN B

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. DỰ BÁO CHUNG

1. Cơ hội

An sinh xã hội được đảm bảo, các chính sách giảm nghèo tiếp tục được triển khai đồng bộ trong có có cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc sống tại các xã thuộc Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ và người dân số tại các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án ứng dụng công nghệ thông tin ngành y tế được hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập các thông tin về y tế được kịp thời, chính xác. Các phương tiện thông tin ngày càng phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận với các kiến thức về sức khỏe.

Nhận thức và sự tham gia của người dân, các cấp ủy Đảng, chính quyền vào công tác chăm sóc sức khỏe ngày càng sâu rộng; sự phối hợp liên ngành trong chăm sóc sức khỏe ngày càng rộng rãi và hiệu quả.

2. Khó khăn thách thức

Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao, mô hình bệnh tật thay đổi, một số bệnh truyền nhiễm có xu hướng quay trở lại, các bệnh không lây nhiễm, các dịch bệnh mới, bệnh lạ diễn biến khó lường trước, yếu tố môi trường, biến đổi khí hậu, xã hội và lối sống có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe nhân dân.

Các cơ sở cung ứng dịch vụ y tế chưa thích ứng kịp với sự phát triển của xã hội, với nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ y tế chưa phù hợp, lương và phụ cấp cho cán bộ y tế thấp, không tương xứng với thời gian học tập, công sức lao động, môi trường làm việc nhất là ở khu vực nông thôn.

Kỹ thuật y học phát triển, trang thiết bị và thuốc chữa bệnh ngày càng đắt tiền nên chi phí cho chăm sóc sức khỏe ngày càng lớn, trong khi về cơ bản tỉnh Trà Vinh là một tỉnh nông nghiệp có mức thu nhập bình quân đầu người thấp so với các tỉnh trong khu vực nên chi phí dành cho chăm sóc và bảo vệ sức khỏe gặp nhiều khó khăn.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Bảo đảm mọi người dân được hưởng thụ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền, kết hợp quân dân y nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật, góp phần nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng dân số; khống chế các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho cộng đồng.

III. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Số bác sỹ/10.000 dân	Người	7,3
2	Số dược sỹ/10.000 dân	Người	1,25
3	Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế hoạt động	%	> 95
4	Tỷ lệ trạm y tế (TYT) xã có bác sỹ làm việc	%	90
5	Tỷ lệ TYT xã có Nữ hộ sinh hoặc Y sỹ sản nhi	%	> 95
6	Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân (không tính giường TYT xã)	Giường	21
7	Tỷ lệ trẻ em <1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	> 95
8	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	90,56
9	Tỷ lệ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xử lý chất thải y tế theo quy định	%	100
10	Tuổi thọ trung bình từ lúc sinh	Năm	74
11	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi	‰	3,1
12	Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi	‰	3,4

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
13	Tốc độ tăng dân số hàng năm	%	1,03
14	Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái)	Trẻ	110
15	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	12
16	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	<0,2
17	Tỷ suất chết mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ ra sống)	/100.000	25,4

IV. CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng

- *Nhiệm vụ:* Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các cơ sở y tế đặc biệt là tại trạm y tế xã, phường, thị trấn. Phát triển đồng thời y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao; hiện đại hóa và kết hợp chặt chẽ giữa YHCT và y học hiện đại, giữa phòng bệnh và chữa bệnh. Đảm bảo quyền lợi khám, chữa bệnh cho người có thẻ Bảo hiểm y tế. Tạo điều kiện thuận lợi để người bệnh được tiếp cận với các dịch vụ y tế kỹ thuật cao khi đến khám chữa bệnh tại tuyến huyện và tỉnh tuyến. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về y tế, khắc phục tình trạng quá tải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Thực hiện Quy tắc ứng xử trong toàn ngành. Tăng cường công tác phục hồi chức năng tại các cơ sở y tế.

- *Giải pháp:*

- + Sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị hiện có tại tất cả các tuyến y tế trong tỉnh.
- + Đào tạo các bác sĩ chuyên khoa sâu cho các chuyên khoa có đủ khả năng chữa trị chuyên khoa sâu, nhất là việc xử lý các bệnh về sọ não, tim mạch, ...
- + Triển khai thực hiện tốt Đề án 1816, áp dụng và triển khai có hiệu quả các kỹ thuật mới, chuyên sâu được các bệnh viện tuyến trên đến chuyển giao.
- + Củng cố Khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu tại các bệnh viện tuyến tỉnh; khoa Hồi sức Chống độc tại các bệnh viện tuyến huyện, từng bước thành lập và phát triển khoa Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu tại các bệnh viện đa khoa khu vực và trung tâm y tế tuyến huyện; cùng với công tác phòng bệnh và khám, chữa bệnh; công tác phục hồi chức năng nên được xem là một trong ba nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.
- + Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh BHYT; thực hiện niêm yết công khai bảng giá dịch vụ y tế, cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình thanh toán khám chữa bệnh BHYT nhằm tạo thuận lợi cho người tham gia BHYT được khám và điều trị tốt nhất; Đổi mới toàn diện thái độ, phong cách phục vụ của cán bộ y tế, lấy người bệnh làm trung tâm và hướng tới sự hài lòng của người bệnh; Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong các cơ sở y tế.

+ Tạo thuận lợi nhất để các tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện triển khai loại hình hành nghề y, dược. Thường xuyên cập nhật những kiến thức mới, các phác đồ điều trị mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y đặc biệt là cán bộ y tế công tác tại tuyến xã.

2. Công tác Y tế dự phòng

- *Nhiệm vụ:* Nâng cao nhận thức người dân về phòng chống dịch bệnh, nước sạch, vệ sinh môi trường. Phát hiện sớm và xử lý ổ dịch kịp thời, không để lây lan diện rộng, hạn chế tỷ lệ tử vong. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác y tế dự phòng và chất lượng hoạt động hệ y tế dự phòng.

- *Giải pháp*

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống dịch bệnh tại 100% xã, đặc biệt các xã có đông đồng bào dân tộc đảm bảo nhân dân trong xã được tuyên truyền và hiểu biết cách dự phòng và phòng chống các bệnh dịch nguy hiểm, HIV/AIDS. Truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch.

+ Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý ổ dịch.

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu của Chương trình y tế - dân số.

+ Đào tạo nhân lực định hướng Y tế dự phòng, và có chính sách thu hút đối với cán bộ làm công tác y tế dự phòng.

+ Tiếp tục nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất các đơn vị chuyên ngành: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm, đảm bảo đủ năng lực hoạt động và quản lý công tác phòng bệnh, phòng dịch trên địa bàn tỉnh.

3. Y dược cổ truyền

- *Nhiệm vụ:* Thực hiện công tác xã hội hóa, hiện đại hóa và phát triển nền YDCT Việt Nam trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân hiện nay, củng cố và tổ chức phát triển mạng lưới YDCT từ tỉnh đến cơ sở và cộng đồng. Đến năm 2018: tuyến tỉnh đạt từ $\geq 15\%$; tuyến huyện đạt từ $\geq 20\%$ và tuyến xã đạt từ $\geq 30\%$ tỉ lệ khám, chữa bệnh. Bệnh viện YDCT tỉnh được đầu tư các thiết bị y tế hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, theo tiêu chuẩn hạng bệnh viện tuyến tỉnh của Bộ Y tế qui định. Củng cố Khoa hoặc tổ Y Dược cổ truyền Bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện Đa khoa khu vực và Trung tâm Y tế huyện.

- *Giải pháp:* Nâng cấp và đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện YDCT tỉnh theo hướng đa khoa về YDCT. Thành lập tổ quản lý YDCT Sở Y tế, và bộ phận quản lý YDCT thuộc Trung tâm Y tế các huyện, thành phố. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác YDCT. Tăng cường vai trò của Hội Đông Y trong bồi dưỡng chuyên môn, kế thừa, bảo tồn, phát triển YDCT.

4. An toàn vệ sinh thực phẩm

- *Nhiệm vụ:* Nâng cao nhận thức, thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP) và ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm. Nâng

cao năng lực hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra, kiểm tra chất lượng về ATTP, hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm. Nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về ATTP. Tăng cường năng lực quản lý các hoạt động bảo đảm về ATTP thức ăn đường phố, từng bước chấn chỉnh hoạt động kinh doanh thức ăn đường phố thực hiện theo các quy định của pháp luật.

- Giải pháp

+ Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước về bảo đảm chất lượng về an toàn thực phẩm, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm giữa các thành viên Ban chỉ đạo liên ngành.

+ Giám sát tình hình ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

+ Đẩy mạnh công tác thông tin và giáo dục - truyền thông về ATTP

+ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP.

+ Thực hiện công tác giám sát chất lượng về ATTP.

+ Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn.

5. Dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản

- *Nhiệm vụ:* Duy trì mức sinh thấp hợp lý, khống chế tốc độ tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh, giảm dị tật và bệnh bẩm sinh, đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ KHHGD của người dân; tăng khả năng tiếp cận dịch vụ CSSKSS có chất lượng; Triển khai công tác thanh tra chuyên ngành Dân số.

- Giải pháp

+ Tăng cường hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe, chú trọng truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình thông qua nhân viên y tế ấp, khóm, công tác viên dân số, cộng tác viên dinh dưỡng.

+ Triển khai và nhân rộng các mô hình “chăm sóc bà mẹ - trẻ sơ sinh liên tục từ gia đình, cộng đồng đến cơ sở y tế”, mô hình “ngôi nhà an toàn, lớp học an toàn, cộng đồng an toàn cho trẻ em”.

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện cho các cơ sở y tế đảm bảo triển khai thực hiện tốt dịch vụ KHHGD.

+ Đào tạo nhân lực chuyên khoa Sản, Nhi. Đào tạo liên tục, đào tạo lại chuyên môn cho các bộ làm công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Nâng cao năng lực cho nhân viên y tế khóm, ấp, tuyến xã về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

6. Phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ y tế

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong công tác phòng bệnh và khám, phát hiện và điều trị; phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng. Bảo đảm cân đối hợp lý trong phân bổ, sử dụng nguồn nhân lực y tế hợp lý theo từng tuyến.

7. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp

- *Nhiệm vụ:* Tiếp tục đổi mới toàn diện thái độ, phong cách phục vụ của cán bộ y tế, lấy người bệnh làm trung tâm và hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của cán bộ, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế.

- *Giải pháp:* Đẩy mạnh công tác học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về tinh thần và thái độ phục vụ của nhân viên y tế đối với người bệnh, có chế tài nghiêm khắc và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử.

8. Quản lý dược trang thiết bị y tế

Nhiệm vụ: Tăng cường công tác kiểm tra quản lý sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn và hiệu quả.

Giải pháp:

+ Củng cố và kiện toàn năng lực đội ngũ thực hiện công tác đấu thầu thuốc, vật tư y tế tiêu hao, đảm bảo thực hiện kịp thời và đúng qui định.

+ Tăng cường công tác giám sát, quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế, có kế hoạch đưa cán bộ đào tạo khi có trang thiết bị sẽ được triển khai sử dụng ngay.

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra lấy mẫu để kiểm nghiệm nhằm ngăn chặn kịp thời hàng giả, hàng kém chất lượng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

9. Phát triển hệ thống thông tin y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe

- *Nhiệm vụ:* Đảm bảo cung cấp thông tin y tế đầy đủ, có chất lượng, thường xuyên và kịp thời. Nâng cao kiến thức và thay đổi hành vi của người dân trong việc chủ động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng.

- *Giải pháp:* Tiếp tục đầu tư trang thiết bị phục vụ cho lĩnh vực công nghệ thông tin (phần cứng). Từng bước đầu tư phần mềm quản lý toàn diện ngành y tế, triển khai đến tất cả các đơn vị trực thuộc ngành y tế, hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện đáp ứng nhu cầu quản lý và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

10. Đầu tư xây dựng các công trình y tế và trang thiết bị y tế

10.1 Đầu tư xây dựng các công trình y tế

- Triển khai tiếp tục công trình xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh qui mô 700 giường: tổng mức đầu tư: 1.600 tỷ

- Triển khai tiếp tục công trình xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải qui mô 50 giường: tổng mức đầu tư: 119,6 tỷ

- Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Y Dược cổ truyền qui mô 150 giường.

10.2 Trang thiết bị y tế

Đầu tư trang thiết bị cho các đơn vị có nguồn kết dư BHYT.

11. Công tác kết hợp Quân Dân y (QDY)

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban QDY 9 huyện, thị xã, thành phố; đưa hoạt động kết hợp quân dân y từng bước đi vào hoạt động thường xuyên và có nề nếp.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác kết hợp QDY trong phòng chống dịch bệnh; tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai thảm họa nếu xảy ra; trong công tác củng cố mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và bộ đội.

- Quân Dân y kết hợp trong công tác động viên y tế thời chiến: làm tốt công tác phúc tra, bổ sung tạo nguồn, huấn luyện theo Quyết định 137/2005/QĐ-TTg các đơn vị DBĐV ngành y tế; Tổ chức huấn luyện chuyên ngành YHQS cho các phân đội này theo các nội dung đã quy định.

- Quân Dân y kết hợp trong khám tuyển nghĩa vụ quân sự hoàn thành 100% chỉ tiêu giao năm 2018 kiên quyết không để bất kỳ trường hợp nào bị trả về vì lý do sức khỏe. Chỉ đạo y tế địa phương bảo đảm tốt công tác khám sức khỏe trong tuyển sinh quân sự.

12. Công tác y tế khác

Các công tác y tế khác như: Chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; Giám định y khoa; Kiểm nghiệm; Pháp y; Truyền thông giáo dục sức khỏe tổ chức tùy theo chức năng nhiệm vụ được giao các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động ngành Y tế năm 2017 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2018 của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TT. BCD Tây Nam Bộ (Vụ Văn hoá Xã hội) (b/c);
- VP. Tỉnh ủy; BTG.TU (phòng Khoa giáo) (b/c);
- VP.UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch & Đầu tư; Cục Thống kê tỉnh (b/c);
- Đảng ủy Sở Y tế (b/c);
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Công đoàn Ngành Y tế;
- Các phòng chức năng Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NVY.



PHỤ LỤC 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ
(Đính kèm báo cáo số: 25/BC-SYT, ngày 04 tháng 07 năm 2018)

Chỉ số	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Ghi chú
Quy mô dân số (người)	1.072.000	1.047.500	
Tỷ lệ tăng dân số (%)	1,03	1,02	
Tỷ suất sinh thô (‰)	-	13,58	
Tỷ suất chết thô (‰)	-	3,99	
Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái)	-	110,04	
Tuổi thọ trung bình (tuổi)	74	74,4	
Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại (%)	-	69,08	
Tỷ suất tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	25,6	14,65	
Số ca tử vong mẹ được thẩm định	-	02	
Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	3,2	1,32	
Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	3,5	1,54	
Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	12,5	6,76	Số liệu tỉnh quản lý (Viện Dinh dưỡng chưa công bố)
Bác sỹ trên vạn dân (bác sỹ)	7	7,03	
Dược sỹ ĐH trên vạn dân (dược sỹ)	-	1,22	
Tỷ lệ xã đạt tiêu chí QG về y tế xã giai đoạn 2011-2020 (%)	87,7	89,6 (số liệu ước năm 2017)	theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh công nhận 93 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2015, có thời hạn 03 năm (năm 2015 đạt 87,73%).
Tỷ lệ Trạm Y tế có bác sỹ làm việc (%)	90	80,73	
Tỷ lệ TYT xã có hộ sinh hoặc YSSN (%)	-	98,16	
Tỷ lệ thôn, bản (khóm, ấp) có nhân viên y tế hoạt động	-	97,91	
Tỷ lệ giường bệnh viện trên vạn dân (giường kế hoạch)	20	20,18	
+ Trong đó: Tư nhân (giường đăng ký) Công lập	-	0,3 19,88	

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN
(Đính kèm báo cáo số: 05 /BC-SYT, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

Bảng 1: Tình hình mắc/chết 28 bệnh truyền nhiễm năm 2017

TT	Tên bệnh	Tính đến tháng 11/2016		Tính đến tháng 11/2017		So sánh cùng kỳ % tăng↑, hoặc giảm↓	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
1	Tả	0	0	0	0	0	0
2	Thương hàn, phó thương hàn	12	0	31	0	↑19 ca	0
3	Lỵ trực trùng	0	0	17	0	↑100	0
4	Lỵ A míp	35	0	63	0	↑80	0
5	Tiêu chảy	1.232	0	1.991	0	↑61,6	0
6	Viêm não	8	0	7	0	↓12,5	0
7	Sốt xuất huyết Dengue	1.182	3	1.500	3	↑26,9	-
8	Sốt rét	3	0	4	0	??33,3	0
9	Viêm gan Virut: A, B, C, D, E	21	0	155	0	↑134 ca	0
10	Bệnh dại	0	0	01	01	↑100	↑100
11	Viêm màng não mô cầu	0	0	0	0	0	0
12	Thủy đậu – Zona	64	0	115	0	↑79,6	0
13	Bạch hầu	0	0	0	0	0	0
14	Ho gà	0	0	0	0	0	0
15	Uốn ván sơ sinh	0	0	0	0	0	0
16	Uốn ván khác	10	0	8	1	↓20	↑100
17	Sởi	2	0	1	0	↓50	0
18	Liệt mềm cấp nghi bại liệt	4	0	4	0	0	0
19	Quai bị	73	0	152	0	↑79 ca	0
20	Rubella	9	0	1	0	↓88,8	0
21	Cúm	33	0	5	0	↓84,8	0
22	Cúm A (H5N1)	0	0	0	0	0	0
23	APC-Adeno virut	0	0	0	0	0	0
24	Dịch hạch	0	0	0	0	0	0
25	Than	0	0	0	0	0	0
26	Leptospira	0	0	0	0	0	0
27	Hội chứng Tay chân miệng	428	0	2.429	0	↑467,5	0
28	Liên cầu lợn	0	0	5	0	↑100	0

Bảng 2: Kết quả thực hiện chỉ tiêu TCMR năm 2017

TT	Chỉ số	Năm 2016			Năm 2017		
		Số đối tượng	Số tiêm	Đạt tỷ lệ (%)	Số đối tượng	Số tiêm	Đạt tỷ lệ (%)
1	Miễn dịch cơ bản	17.324			16.961		
	BCG.		15.992	93,31	16.961	15.459	91,14
	Bại liệt (OPV).	17.324			16.961		
	OPV1		16.363	94,45		16.311	96,17
	OPV2		16.021	92,47		15.919	93,86
	OPV3		15.929	91,95		15.950	94,04
	VX Quivaxem (5 trong 1).	17.324			16.961		
	Quivaxem 1		16.706	96,43		16.387	96,62
	Quivaxem 2		16.641	96,05		16.147	95,20
	Quivaxem 3		16.279	94,00		15.282	90,10
	Sởi		17.294	99,82	16.961	16.792	99,00
	Tiêm chủng đầy đủ.		17.267	99,67	16.961	16.850	99,36
2	Phòng uốn ván sơ sinh.	17.324	16.557	95,57	16.961	16.315	96,19
3	Viêm Gan B (sơ sinh).	17.324			16.961		
	Tổng số		13.240	76,42		12.821	75,59
	≤ 24 giờ		11.914	90,00		11.000	64,85
	> 24 giờ		1.326	10,07		1.869	11,02
4	Phòng uốn ván						
	Phụ nữ có thai	17.324			16.961		
	UV1		6.769			6.128	36,13
	UV2+		14.781	85,32		14.292	84,26
5	Phụ nữ từ 15 đến 35 tuổi	14.947			14.772		
	UV1		6.281			5.944	40,24
	UV2+		14.548	97,33		14.483	98,04
6	Tiêm Viêm não Nhật Bản						
	Trẻ >12 tháng	17.397	16.761	96,34	17.324	15.669	90,45
	Trẻ >24 tháng	19.646	17.308	88,09	16.812	14.806	88,07
7	Tiêm VX Sởi mũi 2 cho trẻ 18 tháng tuổi	17.397	17.014	97,79	17.099	16.640	97,32
8	Tiêm VX DPT mũi 4 cho trẻ 18 tháng tuổi	17.397	16.594	95,38	17.099	15.983	93,47

Bảng 3: Kết quả thực hiện chỉ tiêu PC SXH năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Giảm tỷ lệ mắc Sốt xuất huyết Dengue/100.000 dân so với trung bình giai đoạn 2011-2015	%	5% (từ 44 còn 41,8)	139,9	Không đạt
2	Không chế tỷ lệ chết/mắc do SXHD	%	< 0,09	0,2	Không đạt
3	% Số bệnh nhân nghi SXHD được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh	%	7%	159 mẫu (10,6%)	Đạt
4	% Số bệnh nhân nghi sốt xuất huyết được phân lập vi rút	%	3%	108 mẫu (7,2%)	Đạt
5	Tỷ lệ chết/mắc SXHD nặng	%	< 1	6	Không đạt
6	Tỉnh có điểm giám sát côn trùng thường xuyên hàng tháng	Điểm	02	02	Đạt
	Huyện/Tp/Tx có điểm giám sát vectơ thường xuyên	Xã	09	09	Đạt
7	Tỷ lệ ổ dịch được xử lý triệt để	%	> 90	100	Đạt

Bảng 4: Tình hình mắc, chết SXHD năm 2017 tại các địa phương

TT	Huyện/Thành phố	Mắc			Chết		
		SXHD & SXHD có dấu hiệu cảnh báo	SXHD nặng	Tổng số	SXHD & SXHD có dấu hiệu cảnh báo	SXHD nặng	Tổng số
1	Thành phố Trà Vinh	126	3	129	0	1	1
2	Huyện Càng Long	131	2	133	0	1	1
3	Huyện Cầu Kè	56	1	57	0	0	0
4	Huyện Tiểu Cần	102	4	106	0	0	0
5	Huyện Châu Thành	331	12	343	0	0	0
6	Huyện Trà Cú	412	8	420	0	1	1
7	Huyện Cầu Ngang	81	11	92	0	0	0
8	Huyện Duyên Hải	172	4	176	0	0	0
9	Thị xã Duyên Hải	39	5	44	0	0	0
Tổng cộng		1.450	50	1.500	0	3	3

Bảng 5: Kết quả thực hiện chỉ tiêu PC SR năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Tỷ lệ bệnh nhân Sốt rét/ 1.000 dân	Mắc/ 1.000	0,040 (40 ca)	0,004 (4 ca)	Đạt
2	Dịch Sốt rét	Vụ	0	0	Đạt
3	Tử vong do Sốt rét	Người	0	0	Đạt
4	Sốt rét ác tính	Người	0	0	Đạt
5	Số lam xét nghiệm	Lam	5.000	4.058	81,16
6	Số lượt người được điều trị Sốt rét	Lượt	200	151	75,5
	- Điều trị bệnh	Lượt	40	0	0
	- Cấp thuốc tự điều trị	Lượt	160	151	94,38
7	Đào tạo chẩn đoán, điều trị Sốt rét cho cán bộ y tế khối điều trị (bệnh viện)	Lớp	01	01 (16 người)	100
8	Đào tạo XN tìm KST Sốt rét cho cán bộ điểm kính hiển vi và cán bộ xét nghiệm khối điều trị (bệnh viện)	Lớp	01	01 (40 người)	100
9	Đào tạo chẩn đoán, điều trị; thông kê báo cáo cho cán bộ phụ trách Sốt rét tuyến huyện, xã	Lớp	04	04 (112 người)	100

Bảng 6: Kết quả thực hiện chỉ tiêu PC bệnh Phong năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Tổng số bệnh nhân Phong quản lý	Người	143	144	100,7
2	Số bệnh nhân mới được phát hiện	Người	02	01	50
3	Số bệnh nhân Phong mới phát hiện bị tàn tật độ 2	%	≤ 15	0	0
4	Số bệnh nhân đa hóa trị liệu trong năm	Người	02 người	01	50
5	Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật	Người	138	140	101,4
6	Số bệnh nhân được điều trị lỗ đáo:	Người	15	22	146,7
	Không viêm xương	Người	10	17	170
	Có viêm xương	Người	5	05	100
7	Tổng số lam xét nghiệm Phong	Lam	20	22	110
8	Tập huấn cho cán bộ chuyên trách tuyến xã	Lớp	03	0	0
9	Tổ chức hoạt động giám sát tuyến cơ sở	Cuộc	02	02	100
10	Truyền thông kiến thức Phong trong nhà trường	Lần	04	04	100

Bảng 7: Kết quả thực hiện chỉ tiêu PC bệnh Da liễu năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	6.500	6.967	107,18
2	Xét nghiệm Da liễu	Mẫu	50	25	50,0

Bảng 8: Kết quả thực hiện chỉ tiêu PC bệnh lây truyền qua đường tình dục năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Số lượt người khám bệnh lây truyền qua đường tình dục	Lượt	9.050	16.874	186,45
2	Số bệnh nhân được phát hiện bệnh lây truyền qua đường tình dục	Người	1.800	4.602	255,67
3	Số bệnh nhân được quản lý điều trị	Người	1.800	4.602	255,67
4	Số mẫu xét nghiệm bệnh lây truyền qua đường tình dục (Lậu, Giang mai)	Người	200	128	64,0

Bảng 9: Kết quả thực hiện chỉ tiêu hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Tổng số trẻ em từ 06 - 36 tháng tuổi	Trẻ	43.250	42.519	98,31
-	Tỷ lệ trẻ em từ 06-36 tháng tuổi được uống Vitamin A 02 đợt	%	>95	98,31	Vượt
2	Tổng số bà mẹ sau sinh uống Vitamin A	Bà mẹ	17.300	15.573	90,01
-	Tỷ lệ bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A	%	>80	90,01	Vượt
3	Điều tra Dinh dưỡng	Xã	30	0	0
4	Tổ chức hoạt động tuần lễ dinh dưỡng và phát triển	Cuộc	01	01	100

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
5	Giảm tỷ lệ suy Dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (<i>Giảm 0,6% so với năm 2016</i>)	%	0,6	Chưa điều tra	

Bảng 10: Kết quả thực hiện chỉ tiêu PC các rối loạn thiếu hụt I-ốt năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Giám sát muối Iode thường qui tại hộ gia đình (36 xã)	Hộ	540	540	100
2	Giám sát khâu sản xuất	Mẫu	192	192	100
3	Tập huấn giám sát muối Iode	Lớp	01	01 (43 người)	100
4	Khám bướu cổ tại Trung tâm	Lượt	500	359	71,8
5	Tỷ lệ độ phủ muối Iode	%	≥ 90	41	Không đạt
6	Iod niệu trung vị	µg/l	≥ 10mcg/dl	3,2	Không đạt
7	Tỷ lệ Bướu cổ trẻ em 8-10 tuổi	%	<5	6,5	Không đạt
8	Tỷ lệ hiểu biết của người dân	%	≥ 90	88	Không đạt

Bảng 11: Kết quả thực hiện chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Khám sức khỏe Định kỳ cho người ≥ 60 tuổi	Người	82.000	81.525	99,4
2	Khám điều trị và CSSK cho người ≥ 60 tuổi	Người	82.000	81.525	99,4
3	Đào tạo tập huấn cho chi hội trưởng người cao tuổi	Lớp	09	09 (828 người)	100
4	Đào tạo tập huấn kỹ năng chẩn đoán, điều trị và quản lý CSSK người cao tuổi	Lớp	04	04 (211 người)	100
5	Tuyên truyền ngày Thế giới người cao tuổi	Cuộc	01	01	100

Bảng 12: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Sức khỏe môi trường năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Kiểm tra định kỳ, đột xuất vệ sinh, chất lượng nước của tất cả các cơ sở cung cấp nước.	Mẫu	200	312	156
2	Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	Lượt	18	18	100
3	Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường của các bệnh viện và các cơ sở y tế khác trên địa bàn	Huyện	09	09	100
4	Quản lý thông tin, dữ liệu về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm như khu công nghiệp, các làng nghề, các vùng có nguy cơ ảnh hưởng nhiều do thiên tai...	Huyện	09	09	100
5	Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực sức khỏe môi trường cho tuyến dưới	Lớp	02	02 (125 người)	100
6	Triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng, chống các yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng	Huyện	09	09	100
7	Triển khai thực hiện các phong trào vệ sinh phòng bệnh, làng văn hóa sức khỏe và các phong trào liên quan khác do ngành và địa phương phát động	Huyện	09	09	100
8	Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn	Huyện	09	14	156

Bảng 13: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Y tế trường học năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Khám răng miệng cho bệnh nhân tại đơn vị	Lượt	1.000	1.328	132,8
2	Điều trị răng miệng cho bệnh nhân tại đơn vị	Lượt	1.000	1.568	156,8
3	Phối hợp với ngành giáo dục để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT	Lượt	01	01 (55 người)	100
4	Hướng dẫn, hỗ trợ công tác giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn	Lượt	02	02	100
5	Chỉ đạo các Trung tâm Y tế huyện phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tổ chức khám chuyên khoa, phát hiện, chẩn đoán, điều trị các bệnh tật cho học sinh	Lượt	02	02	100
6	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các Trung tâm Y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	Lượt	02	02	100
7	Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn	Lớp	05	05 (250 người)	100
8	Giám sát các yếu tố vệ sinh trường học tại các trường tiểu học	Trường	20	20	100

Bảng 14: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng, chống bệnh nghề nghiệp, CSSK Người lao động năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Tổ chức khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp	Người	2.000	1.415	70,8
2	Đo môi trường lao động				
2.1	Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)	Mẫu	2.000	2.346	117,3

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
2.2	Ánh sáng	Mẫu	2.100	2.383	113,5
2.3	Tiếng ồn	Mẫu	1.200	1.207	100,6
2.4	Bụi trọng lượng	Mẫu	1.000	908	90,8
2.5	Hơi khí độc	Mẫu	240	432	180,0
3	Tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho tuyến dưới				
3.1	Hưởng ứng (Tuần lễ QG ATVSLĐ, PCCN lần thứ 19) Tháng hành động ATVSLĐ, PCCN lần thứ nhất	Lượt	01	01	100
3.2	Đào tạo “Kỹ năng giám sát, quan trắc môi trường lao động”. Đối tượng: Cán bộ chuyên trách y tế 9 huyện, thị xã, thành phố	Lớp	01	01 (16 người)	100
3.3	Đào tạo “Vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở y tế”. Đối tượng: cán bộ phụ trách y tế các cơ sở y tế	Lớp	01	01 (25 người)	100
3.4	Đào tạo “Nâng cao năng lực phòng chống bệnh nghề nghiệp”. Đối tượng: cán bộ y tế chuyên trách Trung tâm Y tế 9 huyện, thị xã, thành phố; cán bộ y tế các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế	Lớp	01	01 (22 người)	100
3.5	Đào tạo “Nâng cao năng lực phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở sản xuất”. Đối tượng: cán bộ y tế cơ sở sản xuất	Lớp	01	01 (36 người)	100
3.6	Đào tạo “An toàn, vệ sinh lao động trong đại lý vật tư nông nghiệp”. Đối tượng: Người kinh doanh hóa chất nông nghiệp (lúc trước chỉ tiêu là 6 lớp)	Lớp	04	04 (155 người)	100
3.7	Đào tạo “Sơ cấp cứu tại chỗ & phòng chống tai nạn thương tích”. Đối tượng: cán bộ y tế cơ sở sản xuất	Lớp	01	01 (44 người)	100
3.8	Đào tạo “Nâng cao năng lực phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước ở trẻ em”. Đối tượng cán bộ y tế phụ trách phòng chống TNTT tuyến cơ sở (mới thêm vào)	Lớp	02	02 (111 người)	100
4	Kiểm tra, giám sát				

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
4.1	Tổ chức, phối hợp với TTYT huyện/thị xã/thành phố kiểm tra, giám sát vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế	Số lượt	01	0	0 (Do sắp xếp, sắp nhập một số đơn vị)
4.2	Tổ chức, TTYT huyện/thị xã/thành phố kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe người lao động tại các cơ sở sản xuất	CSSX	30	30	100
4.3	Tham gia, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra vệ sinh lao động tại các cơ sở sản xuất	Lượt	Khi có công văn yêu cầu	02	-
5	Nâng cao năng lực chuyên môn của Khoa				
5.1	Tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết công tác y tế lao động	Lần	02 (Khi có công văn yêu cầu)	0	0
5.2	Tham dự các lớp đào tạo ở tuyến trên	Lớp	Khi có công văn yêu cầu	06 (8 nhân viên)	-
5.3	Hiệu chuẩn, bảo trì thiết bị quan trắc môi trường và thiết bị đo lường	Lần	01	01	100 (Dự kiến thực hiện tháng 12)

Bảng 15: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Xét nghiệm năm 2017

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Xét nghiệm vi sinh nước	Mẫu	200	468	234,00
2	Xét nghiệm lý hóa nước	Mẫu	200	394	197,00
3	Xét nghiệm vi sinh thực phẩm	Mẫu	100	235	235,00
4	Xét nghiệm lý hóa thực phẩm	Mẫu	100	259	259,00
5	Xét nghiệm viên gan siêu vi	Mẫu	4.000	5.277	131,93
6	Xét nghiệm sinh hóa-huyết học	Mẫu	3.800	3.820	100,53
7	Xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét	Mẫu	200	244	122,00
8	Xét nghiệm Muối Iod	Mẫu	540	945	175,00
9	Xét nghiệm PCR	Mẫu	30	30	100
10	Xét nghiệm Phong	Mẫu	20	21	105,00
11	Xét nghiệm Hoa liễu (Lậu cầu)	Mẫu	100	09	09,00
12	Xét nghiệm Hoa liễu (Giang mai)	Mẫu	100	10	10,00
13	Xét nghiệm Da liễu	Mẫu	50	24	48,00

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
14	XN Mac-Elisa/ cas mắc SXH	Mẫu	7%	159	Đạt
15	Phân lập vi rút / cas mắc SXH	Mẫu	3%	108	Đạt

* Ngoài ra còn thực hiện xét nghiệm 159 mẫu HIV; 245 mẫu T3, FT4,TSH; 07 mẫu Vi khuẩn đường ruột.

Bảng 16: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng Khám tư vấn và điều trị dự phòng

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
1	Tiêm phòng vaccin dịch vụ tại Trung tâm	Lọ	30.880	35.166	113,9
2	Khám tư vấn xét nghiệm cho bệnh nhân tại Trung tâm	Người	1.800	2.624	145,8
3	Tiêm phòng vắc xin dịch vụ	Người	13.000	18.153	139,6

Bảng 17.1 : Kết quả thực hiện kế hoạch hoá gia đình

Stt	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt % KH
01	Triệt sản	Người	100	81	81,00
02	Dụng cụ tử cung	Người	14.691	8.794	59,86
03	Thuốc uống tránh thai	Người	27.302	29.076	106,50
04	Thuốc tiêm tránh thai	Người	2.070	1.669	80,63
05	Thuốc cấy tránh thai	Người	190	15	7,89
06	Bao cao su	Người	19.807	24.752	124,97
	Tổng cộng		64.160	64.387	100,35

Bảng 17.2 : Công tác Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt %
1	Chăm sóc Sức khỏe bà mẹ - Kế hoạch hóa gia đình				
1.1	Chăm sóc Sức khỏe bà mẹ				
	- Số lượt người khám phụ khoa	Lượt	91.000	95.723	105,1
	-Số người điều trị phụ khoa	Người	41.000	38.728	94,5
	- Số phụ nữ đẻ	Người	15.620	13.635	87,3
1.2	Kế hoạch hóa gia đình				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt %
	Số người áp dụng các biện pháp tránh thai	Người	19.500	18.429	94,5
	Trong đó:				
	- Đặt vòng	Người	8.800	5.407	61,4
	- Đình sản	Người	100	5	5
	- Thuốc	Người	5.460	6.462	118,3
	- Bao cao su	Người	4.050	4.764	118,6
	- Cây	Người	50	16	32
	- Tiêm	Người	1.040	1.775	170,7
2	Phòng chống Suy dinh dưỡng trẻ em				
	- Số trẻ sinh ra sống	Trẻ	15.650	13.655	87,3
	- Số TE <2T được lập phiếu theo dõi	Trẻ	31.340	30.501	
	-Số trẻ <2T SDD	Trẻ		1.988	
	-Tỷ lệ trẻ <2T SDD	Trẻ	6,52	6,52	
	-Số trẻ < 5T được cân	Trẻ			
	-Số trẻ <5T SDD	Trẻ		9.018	
	-Tỷ lệ trẻ <5T SDD				
	+ SDD nhẹ cân	%	12,7	6,76	
	+ SDD thấp còi	%	22,7	7,64	

Bảng 18: Kết quả khám chữa bệnh và phục hồi chức năng tại BV Y Dược cổ truyền

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt %
1.1	Giường bệnh				
	- Nội trú	Giường	100		
1.2	Điều trị ngoại trú:				
	- Tổng số lần khám bệnh	Lượt	27.000	35.673	132,1
	- Số bệnh nhân điều trị	Người	2.000	2.147	107,4
	- Số ngày điều trị	Ngày	28.000	21.801	77,86
1.3	Điều trị nội trú				
	- Số bệnh nhân điều trị	Người	2.000	2.499	154,95
	- Số ngày điều trị	Ngày	36.000	42.422	117,83
	- Ngày điều trị TB	Ngày			
	- Công suất sử dụng GB	%	>90		89,4
1.4	Công tác cận lâm sàng chẩn đoán hình ảnh				

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt %
	- Xét nghiệm	Lượt	24.000	23.347	97,27
	- X quang	Lượt	2.200	2.410	109,54
	- Siêu âm	Lượt	2.000	2.072	103,36
	- Điện tim	Lượt	2.000	2.081	104,05
1.5	Công tác phục hồi chức năng				
	- Laser chiếu ngoài	Lượt	10.000	11.315	113,15
	- Điện châm	Lượt	25.000	43.740	174,96
	- Vật lý trị liệu	Lượt	12.000	16.560	138
	- Điện xung	Lượt	15.000	17.558	117
	- Thủy châm	Lượt	300	405	135
	- Bó Parafin	Lượt	3.000	6.054	201,8
	- Kéo cột sống	Lượt	5.000	8.018	160,36

Bảng 19: Công tác tài chính

DVT: Ngàn đồng

Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Ước TH năm 2017	Đạt % KH
A/-TỔNG THU:	941.641.000	968.443.150	102,8
1/Kinh phí sự nghiệp	849.128.000	899.350.150	105,9
1.1. Ngân sách cấp	208.490.000	210.915.150	101,1
1.2. Thu sự nghiệp	640.638.000	688.435.000	107,4
-Thu dịch vụ KCB	621.319.000	667.285.000	107,4
-Thu phí, dịch vụ (phòng bệnh)	19.319.000	21.150.000	109,4
1.3. Viện trợ			
1.4. Khác			
2/ Kp chương trình mục tiêu	1.757.000	1.757.000	100
- CTMT Y tế và Dân số	1.757.000	1.757.000	100
3/. Kinh phí xây dựng cơ bản	45.700.000	67.336.000	147,3
- Vốn sự Nghiệp			
- Vốn xô số kiến thiết	45.700.000	67.336.000	147,3
- Vốn TW hỗ trợ có mục tiêu			
- Vốn trái phiếu chính phủ			
4/. Dự án TW (Vốn vay, viện trợ)	45.056.000		0,00
- Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện	45.056.000		0,00
B/-TỔNG CHI	898.271.000	899.857.150	100,1
1/ Kinh phí hoạt động thường xuyên	850.814.000	877.600.150	103,1
1.1. Chi hoạt động hành chính:	9.158.000	10.903.150	119,05

Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Ước TH năm 2017	Đạt % KH
1.2.Chi hoạt động đào tạo:	8.000.000	8.000.000	100
1.3.Nghiên cứu khoa học	343.000	343.000	100
1.4. Chi Sự nghiệp Y tế:	826.313.000	851.354.000	103
- Chi khám chữa bệnh	748.627.818	771.468.818	103
- Chi phòng bệnh	77.685.182	79.885.182	102,8
1.5.Mua sắm, sửa chữa lớn	7.000.000	7.000.000	100
2/ Kp chương trình mục tiêu	1.757.000	1.757.000	100
- CTMT Y tế và Dân số	1.757.000	1.757.000	100
3/. Kinh phí xây dựng cơ bản	45.700.000	20.500.000	44,8
- Vốn sự Nghiệp			
- Vốn xổ số kiến thiết	45.700.000	20.500.000	44,8
- Vốn TW hỗ trợ có mục tiêu			
- Vốn trái phiếu chính phủ			
4/. Dự án TW (Vốn vay, viện trợ)	45.056.000		0,00
- Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện	45.056.000		0,00